

**KINH VIÊN GIÁC
GIẢNG GIẢI**



HT. Thanh Từ

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 20 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- A. LƯỢC KHẢO
- B. GIẢNG ĐỀ KINH
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC
TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA
CHƯƠNG I: BỒ-TÁT VĂN-THÙ SƯ LỢI THƯA HỎI
CHƯƠNG II: BỒ-TÁT PHỔ HIỀN THƯA HỎI
CHƯƠNG III: BỒ-TÁT PHỔ NHÃN THƯA HỎI

---o0o---

A. LƯỢC KHẢO

Kinh Viên Giác nói đủ là "Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-Đa-La Liểu Nghĩa". Tên kinh rất dài, nhưng gần đây chúng ta thường đọc gọn là Viên Giác. Kinh này nguyên văn chữ Phạn, khi truyền sang Trung Hoa được dịch ra chữ Hán.

I. PHIÊN DỊCH PHẠN – HÁN

1. Ngài La-hầu-mặc-kiện dịch tại đạo tràng Bảo Vân ở Đàm Châu, đời Đường niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi một (647), nhằm ngày 15 tháng 7 năm Đinh Mùi. Thuyết này căn cứ theo Viên Giác Đại Sở của ngài Khuê Phong.

2. Ngài Phật-đà-đa-la (Buddhatrāta) Trung Hoa dịch là Giác Cứu, người Kế Tân (Yết-thấp-di-la) Bắc Ấn, dịch tại chùa Bạch Mã ở Đông Đô, đời Đường niên hiệu Trường Thọ thứ hai (693). Bảy giờ Võ Tắc Thiên đổi nhà Đường thành nhà Chu.

Trong hai bản dịch thì bản dịch của ngài Phật-đà-đa-la được phổ biến, còn bản dịch của ngài La-hầu-mặc-kiện chỉ thấy ngài Khuê Phong nêu lên trong Viên Giác Đại Sớ, ít phổ biến.

II. CHÚ GIẢI

Theo Đại sư Thái Hư thì kinh Viên Giác được chú giải rất nhiều. Các tông phái ở Trung Hoa thời bấy giờ đều có chú giải, phần lớn là Thiền tông và Hoa Nghiêm tông.

Đời Đường có các Ngài: Ngài Duy Phát, ngài Đạo Tuyên, ngài Khuê Phong. Ngài Khuê Phong chú giải thành hai bản, một bản đề Lược Sớ, một bản đề Đại Sớ...

Đến đời Nam Tống có ngài Nguyên Túy làm Tập Chú. Trong bản này gom hết lời chú giải của những nhà chú giải trước thành một tập.

Gần đây, Đại sư Thái Hư giảng giải đề tựa là Viên Giác Lược Thích.

III. DỊCH HÁN – VIỆT

1. Ngài Huyền Cơ dịch Kinh Viên Giác, xuất bản năm 1951.
2. Hòa thượng Thích Thiện Hoa dịch đề tựa là Kinh Viên Giác (phiên dịch và lược giải) được in trong bộ Phật Học Phổ Thông, quyển 8, Hương Đạo xuất bản năm 1958.
3. Hòa thượng Trí Hữu dịch Kinh Viên Giác, tôi không nhớ năm xuất bản.
4. Hòa thượng Trung Quán dịch Kinh Viên Giác làm hai quyển, tôi cũng không nhớ năm xuất bản.
5. Cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch Kinh Viên Giác.

Kinh Viên Giác đã được dịch ra tiếng Việt, lý đáng chúng ta học bản tiếng Việt. Nhưng vì tôi nhắm vào Tăng Ni, nên tôi giảng thẳng bản chữ Hán, để quý vị dò theo cho quen cách dịch nghĩa, sau này đọc kinh chữ Hán cho dễ.

---000---

B. GIẢNG ĐỀ KINH

Về đề kinh, ở chương 12, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ hỏi Phật tên Kinh này. Phật trả lời đến năm tên:

1. Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-La-Ni.
2. Tu-Đa-La Liễu Nghĩa.
3. Bí Mật Vương Tam-Muội.
4. Như Lai Quyết Định Cảnh Giới.
5. Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt.

Năm tên này được rút gọn lại là Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-Đa-La Liễu Nghĩa.

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC

Theo ngài Khuê Phong Tông Mật thì mỗi chúng sanh có thể chân thật rộng lớn trùm khắp pháp giới, nên gọi là Đại. Thể chân thật ấy hay gìn giữ tất cả quý tặc, và hay sanh khởi ra muôn pháp, nên gọi là Phương. Thể chân thật ấy có đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ lường, nên gọi là Quảng.

Theo ngài Thái Hư thì Đại là chỉ cho cái thể tuyệt đối, vượt ngoài các pháp đối đãi. Đại không có nghĩa là lớn đối với tiểu là nhỏ. Phương chỉ cho phương sở, thể tuyệt đối ấy rộng lớn không ngăn mé, vượt khỏi không gian và thời gian. Quảng là rộng lớn không thể nghĩ lường.

Đại Phương Quảng chỉ cho nghĩa của Viên Giác. Viên là tròn, Giác là giác ngộ; giác ngộ một cách viên mãn gọi là Viên Giác. Viên Giác chỉ cho cảnh giới Phật. Kinh Phật giảng trạch: Phạm phu thì bất giác, ngoại đạo thì tà giác,

Nhị thừa thì chánh giác, Bồ-tát thì phần giác, Phật thì Viên giác. Chỉ có Phật mới giác ngộ viên mãn. Phàm phu vì bất giác nên không thấy được tánh Phật. Ngoại đạo thì tà giác, tuy biết nhưng biết lệch lạc sai lầm. Hàng Nhị thừa tuy được chánh giác nhưng giác chưa rộng lớn. Bồ-tát tuy thấy tánh Phật nhưng thấy từng phần nên gọi là phần giác. Hành giả dụng tâm tu hành, công phu viên mãn, tánh Phật hiển hiện tròn đầy gọi là Viên giác. Như vậy Đại Phương Quảng Viên Giác là tánh Viên giác tròn đầy rộng lớn không ngăn mé, trùm khắp pháp giới, vượt ngoài không gian và thời gian, là nguồn gốc sanh ra muôn pháp, diệu dụng không thể nghĩ lường.

TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Tu-đa-la (Sùtra) nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phàm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích có những đoạn Phật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.
- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.
- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết-bàn là bất liễu nghĩa, nói sanh tử Niết-bàn không hai là liễu nghĩa.
- Nói về các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Qua bốn đoạn Phật giảng trạch về liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, thì kinh Viên Giác thuộc về kinh liễu nghĩa, vì kinh Viên Giác nói tột lý cứu cánh không qua một phương tiện nào.

Về hình thức, kinh Viên Giác có chỗ gom thành một quyển, có chỗ chia ra hai quyển, gồm mười hai chương mục, mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi và được Phật trả lời hướng dẫn tu rất rõ ràng.

CHƯƠNG I: BỒ-TÁT VĂN-THÙ SỰ LỢI THỪA HỎI

1. ÂM :

Như thị ngã văn: Nhất thời Bà-già-bà nhập ư Thần Thông Đại Quang Minh Tạng Tam-muội Chánh Thọ, nhất thiết Như Lai quang nghiêm trụ trì, thị chư chúng sanh thanh tịnh giác địa, thân tâm tịch diệt, bình đẳng bản tế, viên mãn thập phương, bất nhị tùy thuận, ư bất nhị cảnh, hiện chư tịnh độ.

DỊCH :

Tôi nghe như vậy: Một hôm Thế Tôn nhập chánh định Thần Thông Đại Quang Minh Tạng, là nơi an trụ quang nghiêm của tất cả Như lai, cũng là giác địa thanh tịnh của chúng sanh, thân tâm đều lặng lẽ, bản tế bình đẳng, tròn đầy cả mười phương, tùy thuận không hai, ở cảnh giới không hai này mà hiện các cõi tịnh độ.

GIẢNG :

Đây là một điều lạ, chúng ta thường thấy các kinh khác mở đầu bằng câu: Tôi nghe như vậy, một hôm đức Phật ở tại vườn ông Cấp Cô Độc... hay tại tinh xá Trúc Lâm v.v..., là lời ngài A-nan trùng tuyên lại tạng kinh nên nói "Tôi nghe" là chỉ cho ngài A-nan nghe. "Như vậy" là chỉ pháp Phật nói. Kế đó là đức Phật ở tinh xá nào, vườn cây nào, quốc độ nào v.v... nêu lên nơi chốn hẳn hoi. Còn Kinh này thì nói: Một hôm đức Phật nhập chánh định Thần Thông Đại Quang Minh Tạng... Định ấy không riêng gì một đức Phật Thích-ca, mà tất cả chư Phật đều an trụ trong đó, và cũng là giác địa thanh tịnh của tất cả chúng sanh. Như vậy đoạn này muốn nêu lên cho chúng ta biết cảnh giới Viên giác của chư Phật, cảnh giới đó không phải do chư Phật tu rồi mới được, mà chính là do lọc luyện những cấu bợn phiền não rồi được hiển lộ tròn đầy. Ngay nơi phàm phu chúng sanh cũng sẵn có cảnh giới đó, nhưng vì không biết lọc luyện nên cấu bợn che phủ chúng ta không thấy. Cảnh giới đó theo kinh luận có những tên khác nhau, chỗ gọi Viên giác, chỗ gọi Căn bản trí.

Kinh này không nêu rõ nơi chốn của đức Phật thuyết pháp, mà chỉ nói đức Phật thuyết pháp ngay trong bản thể lặng lẽ thanh tịnh của tánh Viên giác. Tánh Viên giác bao trùm tất cả chúng sanh và chư Phật, chư Phật và chúng sanh đều an trụ trong đó và chính đức Phật cũng an trụ trong đó mà nói

pháp. Bất nhị tùy thuận là tùy thuận không hai. Bởi vì không còn mắc kẹt bên này bên kia, là có là không, là sanh là diệt nên gọi là bất nhị. Chính trong cảnh không hai đó là tịnh độ của tất cả cõi Phật chứ không có gì khác. Tánh Viên giác là cảnh giới không hai và chính từ cảnh giới không hai đó mới tùy duyên hiện ra các cõi tịnh độ, tịnh độ đó là tịnh độ của tự tâm. Như vậy là đức Phật nói pháp trong chánh định Viên giác và người nghe pháp cũng ở trong định Viên giác. Vậy ai là thính chúng trong pháp hội này?

---o0o---

2. ÂM :

Dữ Đại Bồ-tát Ma-ha-tát thập vạn nhân câu, kỳ danh viết: Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Nhãn Bồ-tát, Kim Cang Tạng Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát, Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, Biện Âm Bồ-tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, Phổ Giác Bồ-tát, Viên Giác Bồ-tát, Hiền Thiện Thủ Bồ-tát đẳng, nhi vi thượng thủ dữ chư quyền thuộc giai nhập tam-muội đồng trụ Như Lai bình đẳng pháp hội.

DỊCH :

Cùng mười muôn vị Bồ-tát lớn câu hội, tên là: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ-tát Phổ Giác, Bồ-tát Viên Giác, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ v.v... làm thượng thủ, cùng với quyền thuộc đều nhập chánh định, đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.

GIẢNG :

Phật nói pháp ở trong chánh định Viên giác, chư Bồ-tát đến nghe pháp cũng ở trong chánh định Viên giác và cùng ở trong pháp hội bình đẳng của Như Lai. Đức Phật nhập chánh định làm sao nói pháp? Chư Bồ-tát nhập định làm sao nghe pháp? Ví dụ như bây giờ tôi và quý vị ngồi định có nói pháp và nghe pháp được không? Mãi lo thiền định, làm sao nói làm sao nghe? Vậy Phật nói pháp và Bồ-tát nghe pháp trong kinh này khác với chúng ta nói pháp và nghe pháp như thế nào? Chỗ này nếu không giải trạch thì quý vị sẽ nghi ngờ: Tại sao Phật và Bồ-tát ở trong định mà nói pháp và nghe pháp? Định này không giống như chúng ta ngồi thiền chăm chăm nhìn xuống, chú tâm vào một đề mục để cho tâm an trụ không tán loạn. Định này là định tự tại do nhập được thể tánh thanh tịnh của chính mình; mắt vẫn thấy, tai vẫn

nghe, vẫn tiếp xúc với người cảnh, mà tâm không chạy theo người cảnh, được gọi là định của tự tánh, định ở trong động, chứ không phải định thân ngồi im lìm. Đối với Bồ-tát, nhất là với tinh thần thiên tông, Như Lai bất cứ đi đứng nằm ngồi nói nín, lúc nào cũng sống trong thanh tịnh Pháp thân, tức là sống trong chánh định bất sanh bất diệt và tùy duyên ứng dụng. Chớ không phải đợi ngồi mới định mà đi không định, nếu đi mà không định thì không phải là Phật. Vì vậy mà nói đức Phật nhập định nói pháp, Bồ-tát nhập định nghe pháp hỏi đạo, định này không khác định của Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn: "Ngoài không dính mắc với cảnh gọi đó là thiền, trong không loạn gọi đó là định". Định này cũng gọi là Tự tánh Viên giác, an trụ trong đó thì gọi là thiền định, nên ở đây nói Phật nhập định nói pháp, chư Bồ-tát nhập định nghe pháp. Do an trụ trong tâm thể bình đẳng thanh tịnh bất động nên văn kinh nói: Đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.

Đoạn này là phân chúng thành tự, cũng khác hơn kinh khác, Phật nói với những vị Bồ-tát không có lịch sử. Những vị Bồ-tát này căn cơ thuần thực, chúng tỏ kinh này là Đại thừa đốn giáo chỉ thẳng tâm tánh của chúng sanh tức là Phật.

Đó là tổng quát phần tựa của quyển kinh.

---o0o---

3. ÂM :

Ư thị Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường qui xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư lai pháp chúng, thuyết ư Như Lai bản khởi thanh tịnh nhân địa pháp hạnh, cập thuyết Bồ-tát ư đại thừa trung phát thanh tịnh tâm, viễn ly chư bệnh, năng sử vị lai mật thể chúng sanh cầu Đại thừa giả, bất đạo tà kiến.

Tác thị ngữ dĩ, ngữ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

DỊCH :

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quì gối chắp tay mà bạch Phật rằng:

- Đấng Thế Tôn đại bi, xin vì chúng đến nghe pháp trong hội này, mà nói về nhân địa pháp hạnh bản khởi thanh tịnh của Như Lai và Bồ-tát đối với đại thừa phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa các bệnh, hay khiến cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa chẳng rơi vào tà kiến?

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo sát đất, thưa thỉnh như vậy, lặp lại ba lần.

GIẢNG

Chúng ta nên biết những vị Bồ-tát trong hội này hầu hết là những vị Bồ-tát không có lịch sử ở cõi này. Đầu tiên, Bồ-tát Văn-thù Su-lợi đứng ra thưa hỏi. Văn-thù-sư-lợi (Maṅjūri) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Diệu Kiết Tường. Văn-thù tượng trưng cho căn bản trí. Kinh này nêu căn bản trí làm tiêu chuẩn. Ngài hỏi nhân địa tu hành thanh tịnh của Như Lai, nghĩa là hỏi chỗ phát ra nguyên nhân để tiến tu được thanh tịnh của Như Lai thế nào? Nói cho dễ hiểu, đức Phật do tu tập nhân gì mà thân tâm được thanh tịnh, trí tuệ viên mãn? Xin Phật dạy cho các Ngài và cho các vị Bồ-tát ở trong Đại thừa khi phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa được các bệnh, giúp cho chúng sanh đời sau, người cầu đại thừa không rơi vào tà kiến?

Chúng ta thấy Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi hết sức quan trọng cho sự tu hành của chúng ta. Câu đầu hỏi cách tu để thành Phật, câu kế hỏi cách trừ bệnh để khỏi bị chướng trên đường tu. Đó là hai điều căn bản chúng ta phải học. Nếu chúng ta tu mà không hiểu rõ hai điểm đó thì trên đường tu dễ bị thoái thất. Một là chúng ta không biết đức Phật tu như thế nào mà Ngài được thành Phật, thì chúng ta làm sao nương theo để tu? Hai là trong khi tu, nếu chúng ta gặp những chướng ngại, làm sao vượt qua để tiến? Hai điều đó, nếu chúng ta không thông thì trên đường tu sẽ bị chướng ngại vô cùng. Ngài Văn-thù muốn khai thác nguyên nhân đó để chúng ta nắm vững cốt yếu của sự tu hành, nên Ngài đánh lễ Phật thưa hỏi. Đó là vì lòng từ bi của Bồ-tát muốn cho chúng sanh sau này được lợi ích nên Ngài tha thiết đánh lễ Phật, thưa thỉnh trước sau ba lần, Phật mới hứa khả trả lời.

---o0o---

4. ÂM :

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nữ đấng nãi năng vị chư Bồ-tát ti tuần Như Lai nhân địa pháp hạnh, cập vị mật thể nhất thiết chúng sanh cầu Đại thừa giả, đắc chánh trụ trì bất đọa tà kiến, nữ kim để thính, đương vị nữ thuyết.

Thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, vô thượng pháp vương hữu Đại Đà-la-ni môn, danh vi Viên giác lưu xuất nhất thiết thanh tịnh Chân như Bồ-đề Niết-bàn cập Ba-la-mật giáo thọ Bồ-tát, nhất thiết Như Lai bản khởi nhân địa, giai y viên chiếu thanh tịnh giác tướng, vĩnh đoạn vô minh phương thành Phật đạo.

DỊCH :

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng:

- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, ông hay vì các vị Bồ-tát mà thưa hỏi nhân địa pháp hạnh của Như Lai và vì tất cả chúng sanh đời sau, những người cầu Đại thừa an trụ trong chánh kiến, không rơi vào tà kiến. Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vui vẻ vâng lời dạy và đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Nay thiện nam, Vô thượng Pháp vương có môn Đại Đà-la-ni tên là Viên giác, lưu xuất tất cả pháp thanh tịnh: Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, (nay ta) dạy trao cho các Bồ-tát, nhân địa tu hành của tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh viên chiếu, hằng đoạn vô minh mới thành Phật đạo.

GIẢNG :

Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi quan trọng trong việc tu hành để đưa đến quả Phật nên được Phật khen ngợi.

Vô thượng Pháp vương là chỉ cho Phật. Vì đối với bệnh khổ của chúng sanh, Ngài dùng nhiều phương tiện nói pháp khiến cho chúng sanh hết bệnh mê

lầm dứt khổ, nên ví Ngài là một vị vua pháp cao tột không ai bằng. Đà-la-ni (Dhàrani) là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là tổng trì, tổng trì là gồm hết tất cả. Phật nói ở đây là pháp môn gồm hết tất cả pháp môn, tên là Viên Giác. Viên là tròn, Giác là sáng, là biết. Từ tánh Viên giác đó lưu xuất ra tất cả pháp thanh tịnh Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật để giáo hóa Bồ-tát. Như vậy, những danh từ mà chúng ta thường được nghe như Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn v.v... đều từ tánh Viên giác lưu xuất. Vì vậy, tánh Viên giác là tổng trì, bởi nó bao gồm hết thảy, nên nói là bản khởi nhân địa của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều y theo tánh Viên giác để đoạn trừ vô minh và thành Phật đạo. Qua câu trả lời tổng quát của đức Phật, chúng ta tìm được ý gì trong lời đáp này? Đức Phật nói: Tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh hằng chiếu soi để phá trừ vô minh mà được thành Phật. Quý vị thấy nói có khác với Tổ không? Các Tổ cũng nói: "Chúng ta y nơi Phật tánh hay y nơi tánh thanh tịnh sẵn có của chính mình để khởi tu thì sẽ được thành Phật". Như vậy, điểm y cứ ở đây đức Phật dạy là phải nhận ra được bản tánh Viên giác của mình. Nhận ra rồi lấy đó làm trụ xứ căn cứ của mình, nương đó mà khởi dụng chiếu soi, dụng chiếu soi đó sẽ phá dẹp vô minh.

Đức Phật nói tánh Viên giác, tại sao Ngài không giảng tánh Viên giác trước, lại giảng trừ vô minh? Vì khi nói đến tánh Viên giác mà không nói đến vô minh thì người đời không hiểu. Do vô minh làm mờ tánh giác, nếu muốn tánh giác hiển hiện viên mãn thì trước phải đoạn trừ vô minh. Vì vậy, phải hiểu rõ thế nào là vô minh mới phá trừ được. Khi dẹp được vô minh rồi thì tánh giác hiện tiền.

---o0o---

5. ÂM :

Vân hà vô minh? Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, chủng chủng điên đảo, do như mê nhân, tứ phương dịch xứ, vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng. Thí bỉ bệnh mục kiến không trung hoa, cập đệ nhị nguyệt.

DỊCH :

Thế nào là vô minh? Này thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, bị các thứ điên đảo (làm mờ tánh Viên giác) như người mê lầm lộn bốn phương, vọng nhận tướng tứ đại là thân mình, chấp cái duyên theo dáng sáu trần là tâm mình. Ví như (người) nhắm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.

GIẢNG :

Theo Phật, vô minh là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay bị các thứ điên đảo làm mờ tánh Viên giác. Điên đảo là sao? Điên đảo là cái thấy lộn ngược. Như thế gian, ai mà chuyện không nói có, chuyện có nói không là nói lộn ngược, nghĩa là cái thật thế này mà mình bảo là thế kia. Như chúng ta bây giờ đang ở trong cái thấy điên đảo, nên thấy giả cho là thật. Muốn rõ hơn Phật đưa ra ví dụ như người mê lầm lộn bốn phương dờn chỗ. Bốn phương dờn chỗ là sao? Tôi xin đưa ra một ví dụ: Có một người đi vào rừng bị lạc lối, muốn về nhà nhưng quên hướng. Nhà ở phương Nam mà đi lầm về phương Bắc, vì tưởng phương Bắc là phương Nam. Khi ấy, họ cứ nhắm phương Bắc mà đi thì chừng bao lâu tới nhà? Chắc chắn là càng đi càng xa nhà, nếu lầm phương Bắc là phương Nam thì phương Đông phương Tây họ cũng lầm luôn. Vì vậy nên đức Phật nói lầm một cái là tất cả những cái khác đều lầm. Trong vũ trụ này muôn ngàn hiện tượng, chỉ lầm một vài hiện tượng thì muôn ngàn hiện tượng đều lầm. Chúng ta lầm cái gì đây? Phật dạy: Một là nhận lầm tướng tứ đại làm thân mình. Cái thân này do đất nước gió lửa hợp lại, chúng ta tự nhận tướng đó làm thân mình thật, đó là vô minh. Ở đây có ai thấy mình đã hết vô minh? Vì chúng ta thấy thân này thật nên chúng ta sống trong vô minh mà không biết. Hai là nhận lầm cái duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình. Như vậy, thân và tâm đã lầm thì tất cả đều lầm hết. Cũng như Phật nói một phương lầm thì các phương khác đều lầm luôn.

Quý vị xét kỹ xem mình có nhận cái duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình không? Ai cũng nói tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế nọ. Vậy cái gì là tâm của quý vị? Hầu hết đều trả lời cái hay suy nghĩ là tâm tôi. Tất cả cái suy nghĩ phải quấy, đại khôn, hơn thua... là tâm tôi. Quý vị có biết tại sao mình có suy nghĩ không? Nếu từ trước quý vị chưa từng thấy con sư tử, quý vị có suy nghĩ được không? Không biết hình dáng nó như thế nào, làm sao mà suy nghĩ? Nhưng giả sử chúng ta thấy nó rồi thì chúng ta nghĩ về con sư tử được. Như vậy, sau khi thấy và nghe chúng ta mới có cái suy nghĩ. Nghĩ về sắc là do mắt tiếp xúc với sắc trần, sau khi tiếp xúc, bóng dáng của sắc trần rơi vào tâm thức của chúng ta, một lúc nào đó nó dấy lên, ý thức chúng ta duyên theo bóng ấy mà suy nghĩ. Tai nghe âm thanh, bóng dáng êm dịu hay chát chúa của âm thanh rơi vào tâm thức của chúng ta, một lúc nào đó nó dấy lên, ý thức chúng ta duyên theo bóng ấy mà có suy nghĩ. Bóng dáng của hương, vị, xúc cũng như thế. Như vậy, tất cả cái suy nghĩ của chúng ta, đều suy nghĩ theo bóng của sáu trần rơi vào tâm thức và khi nó dấy lên chúng ta nương

theo đó mà phân biệt cho là tâm mình. Cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình, không phải điên đảo là gì? Bốn đại giả hợp mà cho là thân mình, cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình! Không phải mình mà cho là mình, thật quá mê muội, thật đáng thương xót!

Tất cả chúng ta đang sống trong vô minh và đang bị vô minh che phủ, tu không thành Phật là tại chỗ đó. Chấp nhận vô minh là mình thì làm sao thành Phật được? Vì Phật là giác là sáng, cho nên muốn thành Phật thì điều kiện tiên quyết là phải dẹp sạch vô minh. Chúng ta biết được vô minh rồi thì mới có thể phá dẹp nó và mới mong tu thành Phật được.

Đức Phật đưa ra thêm một ví dụ nữa để cho chúng ta rõ hơn: Ví như người nhắm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai. Khi mắt chúng ta lành mạnh, nhìn hư không không thấy có hoa đốm; nhưng khi mắt nhắm, chúng ta nhìn bầu trời trưa nắng thấy hoa đốm lăng xăng đầy cả hư không. Hoặc ban đêm chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có hai mặt trăng. Như vậy, chúng ta thấy lầm có hoa đốm, có mặt trăng thứ hai là do mắt nhắm, chứ hư không đâu có hoa đốm và mặt trăng thứ hai! Cũng như thế, thân tứ đại này không thật mà chúng ta nhận lầm là thật, cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật mà nhận lầm là tâm mình thật. Chúng ta lầm nhận thân tâm rồi thì tất cả những cái khác theo đó mà lầm. Sở dĩ chúng ta nhận lầm là do vô minh mà ra, nếu hết vô minh thì không còn nhận lầm nữa.

---o0o---

6. ÂM :

Thiện nam tử, không thật vô hoa, bệnh giả vọng chấp, do vọng chấp cố, phi duy hoặc thử hư không tự tánh, diệc phục mê bị thật hoa sanh xứ, do thử vọng hữu luân chuyển sanh tử, cố danh vô minh.

DỊCH :

Này thiện nam, hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, do vọng chấp nên chẳng những lầm tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Do vọng chấp này mà có luân chuyển sanh tử nên gọi là vô minh.

GIẢNG:

Đoạn trên đức Phật đưa ra ví dụ hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai để chỉ rõ vì vô minh mà chúng ta lầm chấp thân chấp tâm là ngã. Giờ đây, Ngài lại đưa ra một ví dụ nữa để chỉ cho chúng ta thấy, nếu lầm chấp thân tâm thì chúng ta cũng lầm chấp luôn tất cả. Thí dụ hoa đốm được nhắc tới nhắc lui để chúng ta thấy rõ hoa đốm không thật do mắt bệnh mà thấy. Như vậy khi thấy hoa đốm nên nghĩ thế nào? Muốn trừ hoa đốm phải làm sao? Muốn trừ hoa đốm không nên dẹp hư không, cũng không phải tìm bắt từng cái hoa đốm cho hết, mà chỉ lo trị con mắt cho lành. Con mắt bệnh ví dụ cho cái gì? Chỉ cho cái vọng chấp thân tâm là thật. Bởi vọng chấp thân tâm là thật cho nên thấy tất cả pháp thế gian là thật, mà tất cả pháp thế gian đều như hoa đốm ở trong hư không. Khi đã vọng nhận thân tâm là thật thì đối với tánh chân như đã quên. Cho nên ở đây nói chúng ta đã lầm tánh hư không. Rồi lại còn cho rằng hoa đốm có thật sanh có thật diệt, vì thật sanh thật diệt cho nên thật có chỗ sanh. Cái không có lại tưởng là có, còn cái có lại quên mất. Một khi lầm chấp thân tâm là thật thì tất cả pháp chúng ta đều thấy là thật. Đó là gốc của vô minh, đó là gốc của luân hồi sanh tử. Khi thân tâm này không còn nhận lầm nữa thì tất cả pháp thế gian cũng không còn nhận lầm. Ngài nói: Hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, vọng chấp nên chẳng những làm tự tánh của hư không mà cũng làm luôn chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Vừa nhận lầm có hoa đốm trong hư không, cũng nhận lầm có chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Hoa đốm là dụ cho thân, chỗ sanh ra hoa đốm là dụ cho cảnh. Nhận lầm thân thật rồi lại nhận lầm cảnh thật là do vô minh, vì vậy mà luân chuyển trong sanh tử. Do lầm chấp thân thật nên khi mất thân này vọng tìm thân khác, nếu biết nó là giả thì khi mất đâu có nuôi tiếc gì! Ngày xưa, các thiền sư thấy mệt mỏi liền từ giả mọi người, an nhiên ngồi kiết-già thị tịch, không chút nuôi tiếc sợ hãi. Chúng ta bây giờ thấy thân thật, nên khi đau nuốt nước không trôi mà nghe nói chết là sợ hãi. Còn niệm tham sanh úy tử, làm sao mà không lưu chuyển trong luân hồi. Cho nên lối tu của nhà Phật là lối tu trở lại mình, xoay lại mình. Ngay nơi con người chúng ta mà tìm sự thật thì tất cả sự thật chung quanh đều hiện, nghĩa là trong bốn hướng không làm một hướng thì các hướng khác cũng không làm. Ngay nơi mình khám phá ra thân không thật, khám phá ra vọng tưởng không thật, chừng đó tất cả cái khác cũng đều thấy rõ nó không thật. Được vậy là dẹp được vô minh thì cái chân thật đầy khắp, đó là tánh Viên giác tròn đầy. Vô minh và chỗ y cứ khởi tu đã biết rõ thì sự tu sẽ dễ dàng.

---o0o---

7. ÂM :

Thiện nam tử, thử vô minh giả, phi thật hữu thể, như mộng trung nhân, mộng thời phi vô, cập chí u tỉnh, liễu vô sở đắc. Như chúng không hoa diệt u hư không, bất khả thuyết ngôn hữu định diệt xứ. Hà dĩ cố? Vô sanh xứ cố. Nhất thiết chúng sanh u vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử.

DỊCH

Này thiện nam, cái vô minh này không có thật thể. Như người trong mộng, khi mộng chẳng phải không có (cảnh vật) và đến khi thức dậy rõ ràng (cảnh vật) chẳng có. Như hoa đốm diệt trong hư không, không thể nói có chỗ diệt cố định. Vì cố sao? Vì không có chỗ sanh. Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên nói luân chuyển sanh tử.

GIẢNG

Đoạn này Đức Phật chỉ thêm cho rõ, vì nghe nói vô minh chúng ta lại lầm chấp vô minh là thật, nên Phật liền chỉ vô minh không phải thật. Đức Phật nói vô minh không có thể cố định, nếu có thể cố định thì chúng ta dẹp nó không được. Ví như người ở trong mộng, khi mộng thì không phải không có cảnh vật, nhưng đến khi tỉnh thì cảnh vật rõ ràng không có; hoa đốm diệt trong hư không, không thể nói quyết định có chỗ diệt. Mắt bệnh nên thấy có hoa đốm. Khi mắt hết bệnh thì hoa đốm không có, nên nói hoa đốm đâu có thật sanh mà nói có chỗ thật diệt. Cũng như thế vô minh không có thật thể, nếu có thật thể thì không ai phá nổi. Vì nó không thật nên đức Phật ví như người ngủ mê mộng thấy cảnh thấy người đủ thứ... Khi thức giấc thì cảnh người không còn nữa. Cũng vậy khi chúng ta mê thì thấy thân thật, tâm thật, rồi lầm chấp tạo ra đủ thứ nghiệp, nhưng khi giác thì thấy thân giả, tâm giả. Mê và giác cách nhau không xa. Vô minh là gốc của luân hồi mà gốc luân hồi lại không thật thì sự luân hồi đó có thật hay không? Nếu không thật tại sao chúng ta đang luân hồi? Đang luân hồi mà nói không có thật làm sao tin được điều đó, ai biết cho mình như mộng huyễn? Ở đây chúng ta xác nhận rõ ràng điểm này để tu. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta biết, ai cũng có tánh Viên giác. Nơi đức Phật đã đoạn hết vô minh nên tánh Viên giác toàn vẹn gọi là thành Phật, còn nơi chúng ta vì chưa đoạn vô minh nên là phàm phu. Phàm phu thì bị vô minh chủ động kéo vào vòng luân hồi. Làm sao biết được luân hồi là không thật? Chỉ cần biết mình đang sống đây là mộng thì luân hồi không thật. Khi mê thì vô minh là chủ, sanh tử là bạn. Vô minh là gốc, sanh tử là thân cây, vui buồn phiền não như cành lá. Gốc đã không thật thì thân không thật, cành lá cũng không thật. Như vậy buồn vui thương ghét

không thật, nhưng có ai chịu nó không thật đâu. Cứ chìm trong vô minh không có ngày ra. Hiểu cho thấu đáo mới thấy lời Phật đưa chúng ta tới chỗ giác ngộ hoàn toàn. Vì mình không giác ngộ được nên thấy lời Phật khó hiểu. Tu của đạo Phật là chuyển mê thành giác, mê và giác chỉ là thay đổi cái nhìn. Chỉ cần nhận định theo trí tuệ Bát-nhã thì tất cả hành động đều là tu, còn nhận định theo vọng tưởng mê lầm thì tất cả hành động đều mê lầm hết.

Đọc Viên giác tôi thấy định nghĩa vô minh là rõ ràng nhất. Nơi thân tứ đại chấp đó là thân tướng của mình, nơi tâm duyên theo bóng dáng sáu trần chấp là tâm tướng của mình, đó là vô minh. Đơn giản vô cùng! Đức Phật đã chỉ tường tận rồi, nếu chúng ta nhận được thì không còn lầm nữa. Trong tánh Viên giác mình không muốn trở về cũng là trở về, còn không rõ vô minh mà muốn trở về Viên giác thì cũng khó mà trở về.

"Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên luân chuyển sanh tử". Chúng sanh đang ở trong vô sanh, lại thấy có sanh tử là tại sao? Vì tánh giác không sanh không tử, mà chúng sanh không nhận ra lại nhận thân này tâm này là thật, bị nó dẫn đi trong sanh tử luân hồi, nên nói nguyên là vô sanh, vì lầm nên bị lưu chuyển. Lưu chuyển hay không là do chúng sanh vì chúng sanh là chủ động.

---o0o---

8. ÂM

Thiện nam tử, Như Lai nhân địa tu Viên giác giả, tri thị không hoa, tức vô luân chuyển diệt vô thân tâm thọ bị sanh tử, phi tác cố vô, bản tánh vô cố.

DỊCH

Này thiện nam, người tu nhân địa Viên giác Như Lai, biết hoa đóm trong hư không (không thật) liền dứt luân hồi và cũng không có thân tâm chịu sanh tử. Chẳng phải làm cho nó thành không mà bản tánh nó vốn không.

GIẢNG

Tiếp theo đức Phật giải cho chúng ta thấy rõ khi tu về nhân địa Viên giác là biết các pháp đều hư huyễn, như hoa đóm trong hư không rõ ràng không thật, thì không còn sanh tử luân hồi. Quý vị hiểu rõ chỗ này rồi thì sẽ thấy cái thâm trầm của sự tu. Có nhiều người nói rằng: "Làm sao thấy thân này không cho được? Thân chúng ta đang đi, đứng, ăn, nói, hoạt động mà nói là

không, thì làm sao tin và coi đó như là hoa đốm được?" Chúng ta hãy dùng trí tuệ chiếu soi cho thật kỹ thì sẽ thấy thân này không thật. Vì nó vay mượn tứ đại ngoài để bồi bổ cho tứ đại trong, trong ngoài phụ trợ nhau mà tồn tại, nếu giờ phút nào đó tứ đại ngoài không bồi bổ cho tứ đại trong thì thân tan rã. Như vậy, thân do tứ đại bồi bổ mới tồn tại thì làm sao nói thật được? Ví dụ một đại là nước, như bây giờ chúng ta khát nước, ai cho một bát nước trà nóng vừa thổi vừa uống vô, một hồi lâu mồ hôi xuất ra, vậy mồ hôi đó từ đâu mà ra? Có phải từ bát nước trà vừa uống vô không? Tại sao khi nãy nó là nước trà, bây giờ lại nói nó là mồ hôi của tôi? Vậy tôi là nước trà phải không? Nếu tôi là nước trà, sao khi nãy nó ở ngoài, không gọi nó là tôi? Ba đại kia cũng vậy. Khi bốn đại ngoài phụ vào bốn đại trong thân, nếu quân bình thì nói tôi mạnh khỏe, khi mất quân bình thì nói tôi bệnh, bệnh đó chẳng qua là do tứ đại mất quân bình. Phân tích như vậy để chúng ta thấy rõ tứ đại không phải là tôi, mà chúng ta cứ lầm chấp nó, rồi bám cứng vào đó, ai chạm tới khối tứ đại này là chịu không nổi. Do chúng ta quá quan trọng nó, nên vì nó mà tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử.

Về tâm cũng vậy, tâm là cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cứ chấp cho là thật, nên tôi nghĩ tôi nói ra mà ai cãi lại là tôi nổi sân! Vì sao? Vì ý nghĩ của tôi là chân lý. Nhưng xét kỹ cái suy nghĩ đó chẳng phải của tôi có từ lúc mới lọt lòng mẹ, mà chỉ do huân tập theo thói quen. Như vậy làm sao nói nó là thật được? Bởi chấp tâm là thật nên tất cả những cái tôi huân tập được tôi đều cho là đúng, còn thấy ai nói khác làm khác với sự huân tập của tôi thì cho là sai. Ví dụ như ăn chay, khi thấy người khác tu ăn mặn liền sanh tâm bực bội, trách tại sao tu mà ăn mặn? Lại cũng có người tu ăn mặn thấy người khác tu ăn chay liền thắc mắc tại sao tu phải ăn chay, ăn mặn có lỗi gì? Do sự huân tập của hai bên khác nhau và đều cho cái mình huân tập là đúng nên không ai chấp nhận ai, bởi không chấp nhận nhau cho nên gặp nhau không vui.

Tóm lại, chấp thân chấp tâm là thật ngã chính là căn bệnh trầm kha khiến cho người đau khổ, nếu chúng ta cứ ôm kiến chấp đó tu thì ngàn đời cũng không giải thoát được.

Như vậy, bước đầu tiên của người tu hành là phá vô minh, có phá được vô minh mới mong giải thoát được sanh tử. Có người nói: "Tôi ăn hiền ở lành, làm tròn bổn phận trong xã hội cần gì phải tu!" Câu nói đó đúng chưa? Nói tu để đời sau được sanh làm thân người có nhiều phước báo thì câu nói đó đúng. Muốn tu để giải thoát sanh tử thì tu như vậy chưa đủ. Tôi xin lặp lại, muốn giải thoát sanh tử thì phải phá cho được gốc vô minh. Trong mười hai

nhân duyên, vô minh đứng đầu. Nếu vô minh diệt thì hành diệt v.v... Đức Phật lại nói: "Cũng không có thân tâm chịu sanh tử". Vì thân tâm con người là giả dối không thật nên Phật nói không có thân tâm con người chịu sanh tử. Chẳng phải do chúng ta phá hoại làm cho nó thành không, mà biết rõ bản tánh nó vốn là không. Vì sao vậy? Vì ngay trong cái thân sanh tử chúng ta thấy nó là hư giả do duyên hợp duyên có, tự tánh nó là không, sanh là duyên sanh nên nói chưa từng sanh, tử là duyên tử nên nói chưa từng tử, thế nên đâu có thân tâm để chịu sanh tử.

---oo---

9. ÂM

Bỉ tri giác giả, do như hư không, tri hư không giả, tức không hoa tướng, diệt bất khả thuyết vô tri giác tánh, hữu vô câu khiển, thị tắc danh vi tịnh giác tùy thuận. Hà dĩ cố? Hư không tánh cố, thường bất động cố, Như Lai tạng trung vô khởi diệt cố, vô tri kiến cố, như pháp giới tánh, cứu cánh viên mãn biến thập phương cố. Thị tắc danh vi nhân địa pháp hạnh, Bồ-tát nhân thử, ư Đại thừa trung, phát thanh tịnh tâm, mật thể chúng sanh y thử tu hành bất đọa tà kiến.

DỊCH

Cái tri giác kia ví như hư không, biết hư không tức là (biết) tướng hoa đóm cũng không và không thể nói không có tánh tri giác. Có, không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh Viên giác thanh tịnh. Vì có sao? Vì tánh hư không thường bất động, trong Như Lai tạng không khởi diệt vì không có tri kiến, như pháp giới tánh cứu cánh viên mãn khắp cả mười phương. Đây gọi là nhân địa tu hành (của Như Lai), Bồ-tát cũng nhân đây mà phát tâm thanh tịnh tu theo Đại thừa, chúng sanh đời sau y đây mà tu hành thì chẳng rơi vào tà kiến.

GIẢNG

Đức Phật dụ tri giác như hư không, biết được hư không tức là biết tướng hoa đóm vốn không và cũng không thể nói không có tri giác. Nghĩa là tri giác hay tánh Viên giác dụ cho hư không, còn hoa đóm dụ cho vô minh. Khi hoa đóm hết ở trong hư không mà hư không thì không diệt, nên nói tri giác như hư không. "Biết" được hoa đóm tướng nó vốn không, không thể nói là không có tri giác. Chúng ta biết tất cả hoa đóm sanh diệt lăng xăng trong hư không là không thật, còn hư không thì không diệt. Có hoa đóm là do mắt nhắm thấy nên nó là hư giả. Khi hoa đóm hết, hư không vẫn nguyên vẹn. Cũng thế,

dùng trí biết được thân tứ đại này và vọng tưởng này là hư giả, khi cái giả đó mất rồi thì "cái biết" giả đó không mất; nên đây nói: Không thể nói tánh tri giác là không. Nói có nói không là hai bên, có không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh Viên giác. Chúng ta thấy Phật và Tổ nói không khác. Tổ nói nhập được tự tánh thanh tịnh của mình thì không kẹt hai bên. Vì sao? Vì tánh giác là bất động. Hư không dụ cho tánh giác, hoa đóm dụ cho vô minh, hoa đóm hết, hư không vẫn còn. Cũng vậy, khi vô minh hết, tánh giác không mất nên nói tánh hư không thường không động, đâu từng sanh đâu từng diệt. Cũng thế, trong Như Lai tạng không khởi diệt, vì chúng ta mê nên thấy nó khởi diệt; Như Lai tạng đó như pháp giới tánh rớt ráo tròn đầy khắp cả mười phương.

Tóm lại, đức Phật muốn cho chúng ta thấy rõ, khi biết thân tứ đại là giả, biết tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là giả, không còn kẹt trong hai cái đó là tùy thuận tánh giác. Nghĩa là khi niệm chấp cái giả mất rồi thì tánh giác hiện tiền, giống như khi hoa đóm trong hư không mất rồi thì hư không vẫn bất động. Cũng vậy, tánh giác của chúng ta khi không còn bị vô minh che phủ thì hiển lộ và trùm khắp mười phương. Nhiều người làm cho rằng Phật nói thân này là giả, vọng tưởng là giả, buông hết rồi thì còn cái gì? Chúng ta buông được hai cái giả đó thì cái chân thật hiển bày. Đó là nhân địa của Phật tu, chư Bồ-tát và chúng sanh đời sau cũng phải tu như vậy mới khỏi rơi vào các bệnh.

Đó là gốc của sự tu hành, nếu chúng ta không y gốc để tu và chặt đứt cội rễ vô minh đã ăn sâu từ nghìn muôn kiếp thì càng tu chúng ta càng bệnh. Ví dụ như chúng ta lập ra thời khóa ngày đêm phải tọa thiền bốn thời, nhưng với bối cảnh xã hội hiện tại phải làm ruộng rẫy mới có lương thực để ăn, chúng ta không thể hạn cuộc trong thời khóa đã ấn định mà phải giảm bớt một hoặc hai thời. Tu như vậy chúng ta cho là không đủ công phu, rồi sanh phiền não, phiền não là bệnh. Hoặc chúng ta tu ngày đêm sáu thời đầy đủ, nhưng thấy người khác tu có hai thời, chúng ta nhìn họ với cặp mắt xem thường cho rằng mình tu hơn họ. Do chấp trên hình tướng nên thấy có hơn thua, nếu như chúng ta tu theo kinh Viên Giác thì đâu có cái gì hơn thua? Thân không thật, tâm không thật thì có ai hơn ai? Chúng ta hằng quán chiếu như vậy thì càng tu cái ngã càng mòn đâu có sanh bệnh. Giả sử tôi nói trì chú được công đức vô lượng. Quý vị nghe ham quá, về chuyên tâm trì chú, bỗng một hôm đang trì chú thấy hào quang rực rỡ cả bầu trời, quý vị hài lòng lắm, tự cho là mình tu có công phu nhiều. Khi ấy gặp bạn đồng tu hỏi thăm họ: "Lâu nay bạn tu có kết quả gì không?" Bạn ấy trả lời: "Không thấy". Quý vị tự hào và cho rằng bạn mình không tu hành gì hết. Từ đó bản

ngã ngằm trời lên mà quý vị không hay. Vì thế càng tu càng sanh bệnh. Gần đây có nhiều vị tu hành tinh tấn lắm, ngôi thiền có hào quang sáng. Nhưng thỉnh linh bị "Ma-đăng-già" lôi ra đời, làm nhiều điều ác tệ hơn những người Phật tử tại gia. Đó cũng vì chưa thấu triệt được cái lý rốt ráo của sự tu hành, chỉ chú trọng trên hình tướng nên tâm kiêu mạn dấy sanh, bệnh nặng mà không hay.

Chúng ta nên biết những phương pháp Phật dạy tu là những phương thuốc huyền diệu để trị lành bệnh vô minh huyền của chúng ta. Vì vậy nên trên đường tu, người hướng dẫn rất là quan trọng. Khéo hướng dẫn thì càng tu càng tiến, còn không khéo thì càng tu càng bệnh. Tôi thường nói người thế gian là kẻ chấp ngã đã đành, nhưng người tu nếu không khéo sẽ rơi vào bệnh chấp ngã số một. Khi còn hành điệu thì cái ngã còn nhỏ, đến khi làm thầy thiên hạ thì cái ngã cũng tăng trưởng dần theo địa vị mà không hay. Hoặc không có địa vị, càng tu thâm niên cái ngã càng lớn. Giả sử như có người tu hai, ba mươi năm mà giáo lý không thông, pháp tu nắm không vững, kẻ hậu học đến thưa hỏi thì ú ớ đáp không trôi, nhưng họ có lời chi thì chê trách: "kẻ hậu sanh vô lễ, ta tu mấy chục năm không đáng làm thầy tụi bây hay sao?" Đó là bệnh chấp ngã rất lớn. Phá được cái ngã thật là khó, vì chúng ta không chịu nhìn lại cái thân hư giả và cái tâm hư giả của mình, cho nên tu nhiều chừng nào thì cái ngã lớn chừng nấy. Nếu y theo lời Phật dạy mà tu thì phá trừ vô minh mới mong tiến đạo.

Trong chương này ngài Văn-thù hỏi hai câu, đức Phật trả lời như trên là đủ chúng ta tu cả đời. Đức Phật dạy hết sức rõ ràng, chính xác và thực tế.

---o0o---

10. ÂM

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Văn-thù nhữ đương tri

Nhất thiết chư Như Lai

Tùng ư bản nhân địa

Giai dĩ trí tuệ giác

Liễu đạt ư vô minh

Tri bỉ như không hoa
Tức năng miễn lưu chuyển
Hựu như mộng trung nhân
Tĩnh thời bất khả đắc
Giác giả như hư không
Bình đẳng bất động chuyển
Giác biên thập phương giới
Tức đắc thành Phật đạo
Chứng huyễn diệt vô xứ
Thành đạo diệt vô đắc
Bản tánh viên mãn cố
Bồ-tát ư thử trung
Năng phát Bồ-đề tâm
Mạt thế chư chúng sanh
Tu thử miễn tà kiến.

DỊCH

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Văn-thù ông nên biết
Tất cả các Như Lai
Đều dùng trí Viên giác

Thấu suốt cả vô minh
Biết kia như không hoa
Thì ắt khỏi lưu chuyển
Lại như người trong mộng
Khi tỉnh chẳng có gì
Tánh giác như hư không
Bình đẳng chẳng động chuyển
Tánh giác khắp mười phương
Liên được thành Phật đạo
Các huyễn diệt không chỗ
Thành đạo cũng không thành
Bản tánh vốn viên mãn
Bồ-tát ở trong ấy
Hay phát tâm Bồ-đề
Các chúng sanh đời sau
Tu đây khỏi tà kiến.

GIẢNG

Chúng ta thấy trong bài tụng Phật lặp lại thật là đầy đủ ý nghĩa trên. Trước hết là nói nhân địa của tất cả chư Phật tu hành đều từ nơi trí tuệ giác chiếu. Do dùng trí tuệ giác chiếu nên thấy rõ vô minh, biết nó như hoa đốm trong hư không nên ra khỏi luân hồi sanh tử. Cõi đời này giống như giấc mộng. Mộng dụ cho vô minh, khi vô minh thì thấy người thật cảnh thật, khi

tĩnh thì thấy người không thật cảnh không thật, nên nói tĩnh rồi thì không có gì cả. Tánh giác ví dụ như hư không bình đẳng không động. Vì hư không bình đẳng nên bao dung tất cả mọi loài. Hư không không động, nếu có động là gió động bụi bay, chứ hư không lúc nào cũng bất động. Cũng vậy, vọng tưởng là động, còn tánh giác thì bình đẳng không động, bởi bình đẳng không động nên trùm khắp cả mười phương. Người hằng sống với tánh giác tạm nói là thành Phật. Các huyễn diệt rồi cũng không có chỗ diệt, thành đạo rồi cũng không có gì gọi là chứng. Bởi vì sao? Vì tánh giác vốn viên mãn nên khi vô minh hết thì tánh giác tròn sáng. Cũng như khi ngủ mộng thấy cảnh thấy người... nhưng khi thức thì cảnh người cũng không còn, khi thức thì biết thức thôi, chứ có nói là tôi được thức không? Đâu có cái gì mà được? Sự tu cũng vậy, tu để dẹp vô minh, khi vô minh hết thì tánh giác hiện tiền. Nếu còn thấy được là còn có cái bị được và người hay được, như vậy là còn năng còn sở thì không thể gọi là thành Phật. Các Bồ-tát ở trong đây tu hạnh Bồ-đề, các chúng sanh đời sau y đây mà tu thì không rơi vào tà kiến.

Trong chương này, ngài Văn-thù chỉ hỏi Phật có hai câu mà Phật dạy chúng ta tu suốt kiếp cũng không xong. Nếu ai y theo chương này tu cũng đủ để giải thoát sanh tử.

---o0o---

CHƯƠNG II: BỒ-TÁT PHỔ HIỀN THỪA HỎI

---o0o---

1. ÂM

Ư thị Phổ Hiền Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh tu Đại thừa giả, văn thử Viên giác thanh tịnh cảnh giới vân hà tu hành. Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh tri như huyễn giả, thân tâm diệt huyễn, vân hà dĩ huyễn hoàn tu ư huyễn? Nhược chư huyễn tánh nhất thiết tận diệt, tác vô hữu tâm, thù vị tu hành, vân hà phục thuyết tu hành như huyễn? Nhược chư chúng sanh bản bất tu hành, ư sanh tử trung thường cư huyễn hóa, tăng bất liễu tri như huyễn cảnh giới, linh vọng tưởng tâm vân hà

giải thoát? Nguyên vị mặt thể nhất thiết chúng sanh tác hà phương tiện tiệm thứ tu tập, linh chư chúng sanh vĩnh ly chư huyễn.

Tác thị ngữ dĩ, ngữ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

DỊCH

Lúc đó Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay mà bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, cúi xin vì các Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn để tu huyễn? Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết thì không có (thân) tâm, vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát? Cúi xin Ngài vì chúng sanh đời sau dạy phương tiện thứ lớp tu tập như thế nào, để cho các chúng sanh hằng lìa các huyễn.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

GIẢNG

Chương trước Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho Căn bản trí, Ngài hỏi về nhân địa tu hành của chư Phật. Chương này tới Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Ngài Phổ Hiền thường gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền, theo kinh Hoa Nghiêm thì Phổ Hiền tượng trưng cho Sai biệt trí. Sai biệt trí là trí tùy duyên giáo hóa chúng sanh, tùy duyên dựng lập công hạnh.

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi. Trước hết Ngài hỏi đức Phật:

1. Các Bồ-tát trong hội và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa nghe đến cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành?
2. Nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn tu huyễn?

3. Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết, thì không có (thân) tâm. Vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn?

4. Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát?

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi ấy và xin đức Phật dạy phương tiện thứ lớp tu tập, để cho chúng sanh hăng lia các huyễn. Bồ-tát Phổ Hiền hỏi về chi tiết tu hành, khi hiểu được chi tiết rồi thì mới ứng dụng tu. Vì nghe Phật nói thân tâm đều huyễn hết nên sanh nghi “Phật nói thân huyễn tâm huyễn thì ai tu? Nếu không tu thì cam chịu ở mãi trong sanh tử sao?” Bởi vì có nhiều người nghĩ thân huyễn, tâm huyễn, cảnh huyễn thì cho nó huyễn luôn chớ tu làm chi. Tu là khi nào nó thật, thật phải thật quấy thật xấu thật tốt, thì mới bỏ cái quấy tu cái phải, bỏ cái xấu tu cái tốt... Đã không tu lại còn phóng túng bởi vì huyễn thì còn gì để sợ mà tránh tội lỗi. Như vậy sẽ có các thói hư do cái biết như huyễn phát sanh, nên ngài Phổ Hiền nêu lên câu hỏi để Phật giải thích.

---o0o---

2. ÂM

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Hiền Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh tu tập Bồ-tát như huyễn tam-muội, phương tiện tiệm thứ linh chư chúng sanh đặc ly chư huyễn. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Hiền Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

DỊCH

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hiền rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và các chúng sanh đời sau tu tập tam-muội như huyễn của Bồ-tát, (thưa hỏi) phương tiện thứ lớp tu hành khiến cho các chúng sanh được lìa các huyễn. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Phổ Hiền hoan hỷ vâng lời dạy cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.

GIẢNG

Đức Phật dạy chúng ta nên tu tập chánh định như huyễn. Thế nào gọi là chánh định như huyễn? Giả sử khi chúng ta ngồi thiền tâm duyên theo cảnh này cảnh nọ, chúng ta biết cảnh đang duyên theo là huyễn hóa nên tâm không chạy theo cảnh, và tâm được an định, đó gọi là chánh định như huyễn.

---o0o---

3. ÂM

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh chủng chủng huyễn hóa, giai sanh Như Lai Viên giác Diệu tâm, do như không hoa, tùng không nhi hữu, huyễn hoa tuy diệt, không tánh bất hoại. Chúng sanh huyễn tâm hoàn y huyễn diệt, chư huyễn tận diệt giác tâm bất động, y huyễn thuyết giác, diệt danh vi huyễn, nhược thuyết hữu giác do vị ly huyễn thuyết vô giác giả, diệt phục như thị. Thị cố huyễn diệt, danh vi bất động.

DỊCH

Này Thiện nam, tất cả chúng sanh và mọi vật huyễn hóa đều sanh từ Viên giác Diệu tâm Như Lai. Ví như hoa đóm trong hư không, từ hư không mà có, hoa đóm tuy diệt mà tánh hư không không hoại. Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tánh giác bất động. Y pháp huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa. Nếu nói “có giác” vẫn chưa lìa huyễn, còn nói “không giác” cũng lại như thế. Cho nên pháp huyễn (có và không) diệt hết gọi là bất động.

GIẢNG

Phật lặp lại ý trước cho chúng ta khỏi phân vân. Ngài nói tất cả chúng sanh và cảnh vật huyễn hóa (tâm huyễn cảnh giới huyễn) đều sanh từ nơi Diệu tâm Viên giác Như Lai chứ không ở đâu. Ngài ví thân tâm cảnh giới như hoa đóm trong hư không, từ hư không mà có, tuy hoa đóm diệt mà hư không không hoại. Cũng thế thân tâm cảnh vật huyễn hóa tuy mất mà tánh giác diệu tâm không mất. Nghe qua chúng ta thấy hình như Viên giác lưu xuất ra các huyễn, vậy là nó lưu xuất ra vô minh phải không? Tức là có một cái giác để sanh vô minh. Chỗ này không rõ để hiểu lắm. Cũng như có phải hư

không sanh hoa đốm không? Vì mắt nhắm thấy hoa đốm, chớ không phải hư không sanh hoa đốm. Cũng như vậy tánh giác không sanh vô minh mà tại mê tánh giác nên vô minh dấy lên. Bởi tánh giác không sanh vô minh nên khi vô minh hết mà tánh giác vẫn còn. Như vậy, tánh giác là nhân địa mà chúng ta tu hành. Ngài xác định: Tâm huyền của chúng sanh lại y nơi pháp huyền mà diệt. Pháp huyền tâm huyền diệt hết thì tánh Viên giác bất động.

Tôi lấy ví dụ ngồi thiền để giảng đoạn này cho quý vị hiểu. Khi chúng ta ngồi thiền thấy vọng tưởng dấy lên là giả dối. Khi lặng xuống thì tâm hằng giác tròn đầy lặng lẽ chớ đâu có mất. Nếu tâm hằng giác mà mất thì lúc đó chúng ta đâu có biết vọng tưởng lặng. Ngài chỉ cho chúng ta thấy rõ khi tâm huyền diệt rồi thì tâm hằng giác bất động hiện tiền. Nếu y huyền mà nói giác cũng gọi là huyền nữa. Ví dụ như vọng tưởng dấy lên chúng ta khởi “biết vọng tưởng”; “vọng tưởng” là huyền, nhưng “cái biết vọng tưởng” cũng huyền luôn. Nếu nói “có giác” vẫn chưa lìa huyền, còn nói “không giác” cũng lại như thế, cho nên pháp huyền diệt gọi là bất động. Tôi nhắc lại: Khi chúng ta ngồi thiền, vọng tưởng dấy lên, chúng ta “biết nó là huyền”, “cái biết huyền” đó hơn “cái huyền” một phần rồi, nhưng chúng ta chấp “cái biết huyền” đó là thật thì chúng ta cũng còn kẹt trong huyền nữa. Như vậy, “vọng tưởng” lặng thì “cái biết vọng tưởng” cũng phải buông luôn, buông hết thì tâm như như bất động. Tâm bất động đó mới là thật, chớ còn dấy niệm quán cũng chưa được.

---o0o---

4. ÂM

Thiền nam tử, nhất thiết Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh ưng đương viễn ly nhất thiết huyền hóa hư vọng cảnh giới. Do kiên chấp trì viễn ly tâm cố, tâm như huyền giả diệt phục viễn ly, viễn ly vi huyền diệt phục viễn ly, ly viễn ly huyền diệt phục viễn ly, đặc vô sở ly, tức trừ chư huyền. Thí như toàn hỏa, lưỡng mộc tương nhân, hỏa xuất mộc tận, khô phi yên diệt. Dĩ huyền tu huyền diệt phục như thị. Chư huyền tuy tận bất nhập đoạn diệt.

DỊCH

Này thiền nam, tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau phải xa lìa tất cả cảnh giới huyền hóa hư vọng. Do chấp cứng cái tâm xa lìa, tâm ấy là huyền cũng phải xa lìa, lìa cái lìa huyền cũng lại xa lìa, được không chỗ lìa tức là trừ các huyền. Ví như dùi lửa, hai thanh gỗ làm nhân cho nhau, lửa phát ra hai thanh

gỗ cháy hết tro bay khói mất. Lấy huyền tu huyền cũng như vậy. Các huyền tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt.

GIẢNG

Đa số chúng ta có bệnh khi nghe nói cái đó là thật, thì chấp đành rồi, nhưng nghe nói cái đó là giả cũng chấp luôn. Ví dụ như nghe Phật nói phải xa lìa pháp huyền hóa thì cương quyết bỏ pháp huyền hóa, nhưng nếu còn cái cố chấp quyết bỏ pháp huyền hóa cũng không được, vì còn có một cái để bám. Vì vậy đức Phật dạy niệm xa lìa cũng phải buông luôn. Nên nói tâm ấy là huyền cũng phải xa lìa. Tôi xin phân tích làm ba giai đoạn cho dễ hiểu.

- Giai đoạn 1: Chúng ta biết tâm vọng tưởng là huyền. Khi vọng tưởng dấy lên biết nó là vọng tưởng, vọng tưởng lặng xuống, biết vọng tưởng hết, đó là giác vọng tưởng. Khi vọng tưởng lặng rồi, cái giác vọng tưởng đó cũng phải buông luôn. Nếu chấp cái giác vọng tưởng đó cho là thật thì cũng là vọng tưởng nữa.

- Giai đoạn 2: Nếu còn có tâm niệm bỏ cái giác vọng tưởng cũng không được, phải buông luôn.

- Giai đoạn 3: Cái tâm dấy khởi bỏ cái biết vọng tưởng đó cũng phải bỏ nữa. Bởi cho đến khi tâm không còn dấy khởi thì tánh giác hiện bày, đó mới thật là lìa huyền. Còn một niệm xa lìa cũng là vọng tưởng. Tới chỗ cứu cánh thì không còn niệm thủ xả, còn dấy niệm thủ xả là còn động, tánh Viên giác thì bất động, sống được với cái bất động đó mới là lìa hết huyền. Chỗ này phải tu mới thấy rõ, không tu chỉ nghe qua thì thấy lạ quá.

Đức Phật lại ví dụ, như chúng ta dùi lửa, hai thanh gỗ cọ nhau, lửa phát ra hai thanh gỗ cháy, tro bay khói mất. Lấy huyền tu huyền cũng lại như vậy. Trước dùng trí tuệ chiếu soi thân tâm để thấy thân tâm không thật, tức là hai thanh gỗ bị cháy; khi thấy thân tâm không thật thì còn cái chấp thân tâm huyền chúng ta bỏ luôn, tức là tro bay; khi bỏ trí biết huyền nhưng ý niệm muốn xa lìa cái huyền còn thăm thăm bên trong, bỏ luôn ý niệm đó nữa là khói bay hết. Đến đây mới trở về như như. Cái huyền tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt. Đây là chỗ đặc biệt. Có nhiều người không hiểu cho rằng khi tu Phật bảo buông hết niệm suy nghĩ thì không còn gì, sẽ trở thành ngu ngơ. Không, đức Phật xác định là khi huyền hết rồi không rơi vào đoạn diệt, mà hằng ở trong tánh giác. Chỗ này Lục Tổ cũng có nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy là Bản Lai Diện Mục của người”.

---o0o---

5. ÂM

Thiện nam tử, tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, ly huyễn tức giác, diệt vô tiệm thứ. Nhất thiết Bồ-tát cập mạng thế chúng sanh, y thử tu hành, như thị nãi năng vĩnh ly chư huyễn.

DỊCH

Này Thiện nam, biết pháp huyễn hóa tức là, chẳng khởi phương tiện, là pháp huyễn hóa liền giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành. Như thế mới hăng là các huyễn.

GIẢNG

Ngài Phổ Hiền yêu cầu Phật dạy pháp tu thứ lớp, đức Phật trả lời không có thứ lớp, biết các pháp huyễn hóa tức là là pháp huyễn hóa, là pháp huyễn hóa thì tánh giác hiện tiền. Đây là một lối đốn ngộ đốn tu, và Ngài kết luận Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây mà tu thì hăng là các pháp huyễn. Chúng ta thấy từ đức Phật đến Bồ-tát và chúng sanh đời sau nếu muốn tánh Viên giác hiện tiền thì không có gì hơn là biết rõ cái hư giả mộng huyễn, khi biết rõ nó thì không bị nó chi phối.

---o0o---

6. ÂM

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Hiền nữ đương tri

Nhất thiết chư chúng sanh

Vô thủy huyễn vô minh

Giai tùng chư Như Lai

Viên giác tâm kiến lập

Du như hư không hoa

Y không nhi hữu tướng
Không hoa nhược phục diệt
Hư không bản bất động
Huyễn tòng chư giác sanh
Huyễn diệt giác viên mãn
Giác tâm bất động cố
Nhược bỉ chư Bồ-tát
Cập mạng thể chúng sanh
Thường ung viễn ly huyễn
Chư huyễn tất giai ly
Như mộc trung sanh hỏa
Mộc tận hỏa hoàn diệt
Giác tắc vô tiệt thứ
Phương tiện diệt như thị.

DỊCH :

Khi ấy đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phổ Hiền ông nên biết
Tất cả các chúng sanh
Vô thủy huyễn vô minh
Đều từ các Như Lai

Tâm Viên giác dựng lập
Nhu hoa đốm trong không
Y hư không có tướng
Hoa đốm nếu diệt rồi
Hư không vốn chẳng động
Huyễn từ giác mà sanh
Huyễn diệt giác viên mãn
Vì tâm giác bất động
Nêu các vị Bồ-tát
Và chúng sanh đời sau
Thường nên xa lìa huyễn
Các huyễn thấy đều lìa
Nhu lửa sanh trong cây
Cây hết lửa cũng tắt
Giác không có thứ lớp
Phương tiện cũng như vậy.

GIẢNG

Bài trùng tụng này Phật kết thúc chương Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Trước hết đức Phật chỉ cho thấy tất cả chúng sanh và pháp vô minh huyễn hóa có từ vô thủy đều từ nơi tâm Viên giác mà dựng lập. Chỗ này có nhiều người thắc mắc tại sao vô minh lại từ tánh giác mà lập? Bây giờ tôi nói mê từ tỉnh mà có, quý vị đồng ý không? Ví dụ như vào buổi khuya đánh kiếng thức chúng, quý vị thức dậy súc miệng rửa mặt, lúc ấy rất là tỉnh táo, nhưng khi

lên bờ đoàn ngồi một hồi thì mơ mơ và gục một cái, vậy cái mơ mơ đó từ đâu mà ra? Có phải từ cái tỉnh mà ra không? Chúng ta cứ cho là đang tỉnh thì không có mê, mà tại sao đang tỉnh lại gục? Cho nên trong khi tỉnh mà không khéo giữ thì tỉnh hóa thành mê. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chân như bất thủ tự tánh, hốt nhiên nhất niệm vô minh khởi”, nghĩa là chân như không giữ tự tánh thì vô minh sanh. Trong khi chúng ta tỉnh thì phải sáng suốt mà giữ cái tỉnh đó, nếu quên đi thì mê trở lại. Đối với tánh giác cũng vậy, nếu không khéo tỉnh giác thường xuyên thì thỉnh thoảng mê dấy lên. Tại sao vậy? Bởi vì mê đã có trong tỉnh.

Như hiện giờ chúng ta tuy thức nhưng có cái ngủ nó ngằm ngằm trong ấy, nếu không giữ được tỉnh táo thì cái ngủ hiện ra, chứ không phải cái ngủ ở đâu đến. Hỏi tại sao tôi đang tỉnh mà lại mê? Tại tỉnh mà không giữ được tự tánh tỉnh nên mê. Cũng vậy, pháp huyền từ tâm Viên giác Như Lai ra Phật dụ như hoa đóm trong hư không, rồi cũng diệt trong hư không, nhưng hoa đóm sanh diệt mà hư không thì bất động. Vọng tưởng thì sanh diệt, vọng động; tánh giác thì bất động. Cho nên mục đích chúng ta tu để tâm được định, không động mà sống với tánh giác thì bất động. Định là lặng mọi vọng tưởng, vọng tưởng lặng rồi thì tánh giác tròn sáng, đó là tuệ. Tánh giác thì bất động, dấy niệm là vọng động làm mờ tánh giác. Vì vậy chúng ta phải định thì tánh giác mới hiển hiện. Chúng ta tu dùng trí tuệ biết huyền, đó là dùng phương tiện để trị vọng tưởng giả dối, khi vọng tưởng lặng thì cái biết huyền cũng buông luôn. Đức Phật dạy chúng sanh nên y theo đó mà tu để hằng lìa pháp huyền, khi pháp huyền đã lìa rồi thì tánh giác hiển hiện chứ không có thứ lớp.

---o0o---

CHƯƠNG III: BỒ-TÁT PHỔ NHÃN THƯA HỎI

---o0o---

1. ÂM

Ư thị Phổ Nhãn Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp trường qui xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn.

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh diễn thuyết Bồ-tát tu hành tiệp thứ, vân hà tư duy, vân hà

trụ trì, chúng sanh vị ngộ tác hà phương tiện phổ linh khai ngộ. Thế Tôn, nhược bị chúng sanh vô chánh phương tiện, cập chánh tư duy, văn Phật Như Lai thuyết thử tam-muội tâm sanh mê muội, tức ư Viên giác bất năng ngộ nhập. Nguyện hưng từ bi vị ngã đẳng bối cập mật thế chúng sanh giả thuyết phương tiện.

Tác thị ngữ dĩ, ngữ thế đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

DỊCH

Lúc đó Bồ-tát Phổ Nhân ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

- Thế Tôn đại bi, xin vì chúng Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau diễn nói thứ lớp tu của Bồ-tát, làm sao tư duy, làm sao trụ trì? Chúng sanh chưa ngộ tạo phương tiện gì khiến cho họ được khai ngộ? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh kia không có chánh phương tiện và chánh tư duy, nghe Như Lai nói tam-muội này tâm sanh mê muội, đối với tánh Viên giác không thể ngộ nhập. Xin Ngài từ bi, vì bọn chúng con và chúng sanh đời sau tạm nói phương tiện.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

GIẢNG :

Phổ là khắp, Nhân là con mắt tức là con mắt thấy khắp. Như ngài Huyền Sa Sư Bị thường nói “Tam thiên đại thiên thế giới là một con mắt của Sa-môn”. Đọc qua chương trước chúng ta thấy đức Phật trả lời dường như đủ rồi. Nhưng các Bồ-tát thấy chưa đủ, chưa thể tu được, nên ở chương này, Bồ-tát Phổ Nhân đứng ra thưa hỏi thật kỹ. Đây là ba câu hỏi:

1- Chúng sanh phải thứ lớp tu như thế nào? Suy nghĩ thế nào cho hợp đạo?

2- Phải gìn giữ cách nào cho đúng với chánh pháp?

3- Chúng sanh chưa ngộ làm cách nào cho họ dần dần được khai ngộ?

Đoạn trên Phật nói tổng quát chắc họ không thực hành được, nên Ngài yêu cầu Phật chỉ cho phương tiện để chúng sanh sau này tư duy chân chánh, và

nghe đến tam-muội này tâm không sanh mê muội để thể nhập vào tánh Viên giác. Từ đây về sau Phật mới nói qua phương tiện.

2. ÂM

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Nhân Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử nữ tử đặng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh vấn ư Như Lai tu hành tiệm thứ, tư duy trụ trì, nãi chí giả thuyết chủng chủng phương tiện. Nhữ kim để thính đương vị nữ thuyết.

Thời Phổ Nhân Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

DỊCH

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Phổ Nhân rằng:

- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau cầu thỉnh Như Lai thứ lớp tu hành dạy cách tư duy cách an trụ gìn giữ cho đến tạm lập các thứ phương tiện. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Nhân vui vẻ vâng lời dạy, cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

GIẢNG

Phật khen Bồ-tát Phổ Nhân vì đại chúng và chúng sanh đời sau cầu xin Phật tạm lập phương tiện tu hành để nhập tánh Viên giác.

---o0o---

3. ÂM

Thiện nam tử, bị tâm học Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh dục cầu Như Lai tịnh Viên giác tâm, ưng đương chánh niệm viễn ly chư huyễn, tiên y Như Lai xa-ma-tha hạnh, kiên trì cấm giới, an xử đồ chúng, yên tọa tĩnh thất, hằng tác thị niệm: Ngã kim thủ thân tứ đại hòa hợp, sở vị phát, mao, thảo, xỉ, bì, nhục, cân, cốt, tủy, não cấu sắc giai qui ư địa. Thóa, thể, nùng, huyết, tân dịch, tiên mạng, đàm, lệ, tinh khí, đại, tiểu tiện lợi giai qui ư thủy. Noãn khí

qui hỏa. Động chuyển qui phong. Tứ đại các ly, kim giả vọng thân đương tại hà xứ? Tức tri thủ thân tất cánh vô thể, hòa hợp vi tướng, thật đồng huyền hóa. Tứ duyên giả hợp, vọng hữu lục căn, lục căn tứ đại trung ngoại hợp thành, vọng hữu duyên khí, u trung tích tụ tợ hữu duyên tướng giả danh vi tâm. Thiện nam tử, thủ hư vọng tâm, nhược vô lục trần, tắc bất năng hữu. Tứ đại phân giải, vô trần khả đắc. Ư trung duyên trần các qui tán diệt, tất cánh vô hữu duyên tâm khả kiến.

DỊCH

Này thiện nam, những vị Bồ-tát mới học và chúng sanh đời sau, muốn cầu tâm Viên giác Thanh Tịnh Như Lai, phải chánh niệm xa lìa các pháp huyền, trước y theo hạnh xa-ma-tha Như Lai, kiên trì giới cấm, sắp xếp đồ chúng, ngồi yên trong thất vắng, thường khởi nghĩ: “Thân này của ta do tứ đại hòa hợp, những là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não... sắc chất dơ bản đều thuộc về đất. Nước dãi, nước mắt, máu mủ, nước tiểu, nước bọt, đàm dãi... thuộc về nước. Hơi nóng thuộc về lửa. Chuyển động thuộc về gió. Bốn đại mỗi cái rời xa, hỏi thân không thật này về chỗ nào? Liền biết thân này rớt ráo không có tự thể (cố định), do hòa hợp mà có tướng, thật đồng với huyền hóa.

Bốn duyên (tứ đại) giả hợp tạm có sáu căn. Sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành tạm có duyên khí tích tụ ở trong, in tuồng như có tướng năng duyên, giả gọi là tâm.

Này thiện nam! Tâm hư vọng này nếu không có (duyên) sáu trần ắt không có. Bốn đại phân tán (thân hoại, căn mất) sáu trần cũng không còn. (Ý) căn ở trong duyên theo sáu trần mỗi thứ phân tán. Rốt cuộc không còn cái tâm duyên có thể thấy.

GIẢNG

Đức Phật dạy chúng ta muốn tu theo thứ lớp thì trước tiên phải y theo pháp Chi. Kế là gìn giữ giới cấm của Phật cho tinh nghiêm, đồng thời phải sắp xếp đồ chúng và ngồi yên trong thất vắng để tư duy hay chánh quán. Chúng ta muốn theo thứ lớp mà quán thì trước hết phải quán ngay nơi thân này do đất nước gió lửa hòa hợp: Tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương... tất cả chất cứng đó thuộc về đất. Nước miếng, mồ hôi, máu, mủ, nước tiểu, đàm dãi... thuộc về nước. Hơi ấm trong người thuộc về lửa. Sự động chuyển, hơi thở ra vào là gió. Bốn đại này, chúng ta tách riêng mỗi thứ, tìm lại coi cái gì

là thân mình? Tìm không ra. Cả bốn cái đó hợp lại thì tạm nói là thân mình, còn nếu phân ly ra thì tìm lại cái thân huyền này không có chỗ nơi, liền biết thân này rõ ràng không có thật thể, do tứ đại hòa hợp mà có tướng, có đó rồi mất nên nói là huyền hóa. Bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp chúng ta đã làm cho nó là thật, cho nên mất thân này tạo thân khác. Quán xét thật kỹ để biết nó hư giả, mầm sanh diệt lần lần sẽ hết, muốn thoát luân hồi phải có trí tuệ để phá mê làm vô minh.

Xét về thân rồi, đức Phật dạy chúng ta xét về tâm. Khi đất, nước, gió, lửa duyên hợp thì tạm có thân, khi đã có thân rồi thì có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn có là do tứ đại bên trong và tứ đại bên ngoài hợp lại mà có, hơi tích tụ ở trong, hơi đó vận chuyển nên có ý nghĩ phân biệt sáu trần tạm gọi là tâm. Thí dụ chúng ta thấy một hình ảnh nào đó, khi ngồi yên sự nhớ lại hình ảnh đó. Tâm duyên theo hình bóng đó gọi là duyên khí. Tại sao gọi là duyên khí? Như mùi hôi hay thơm của một cái khăn là do xông ướp một cái khác mà có mùi. Cũng vậy do căn trần tiếp xúc rồi bóng dáng đó xông ướp thành hơi, cái hơi đó là bóng dáng ở trong tâm mình. Nó xông ướp cái nào thì chứa nhóm thành chủng tử cái đó. Những chủng tử chứa nhóm nhiều in tuồng như cái tướng để nó duyên rồi cái tướng nó duyên giả danh tên là tâm. Tất cả những cái nghĩ này nghĩ kia là đều nghĩ theo bóng dáng do huân tập của sáu trần với sáu căn mà có.

Khi chúng ta độc thoại, hoặc đang ngồi, hoặc đang đi, chợt nhớ việc này việc nọ, rồi phát thành ngôn ngữ, đó là do cuộn hơi từ rún đưa lên, nếu mạnh thì phát ra lời nói diễn bày cho người khác nghe, yếu thì đủ mình nghe. Thành ra những ý niệm suy nghĩ chỉ là do hơi cuộn phát ra thôi. Một hôm ngồi chơi, tôi chợt thấu đáo được ý nghĩa của hai chữ tập khí. Thường khi chúng ta nghe giải nghĩa hai chữ tập khí là thói quen, nhưng bây giờ tôi mới phát minh nghĩa của nó là chỗ nhóm hợp hơi. Những ý niệm suy nghĩ của chúng ta đều do một ít hơi từ rún đưa lên cuộn lại rồi phát ra lời. Nghĩ về người thì nói về người, nghĩ về vật thì nói về vật, ở trong thì chúng ta cho đó là tư tưởng, phát ra ngoài cho là ngôn ngữ. Thật ra tất cả tư tưởng đều là ngôn ngữ. Quý vị xét xem có phải vậy không? Điều này chúng ta phải ngồi lại nhìn kỹ mới thấy được. Khi chúng ta ngồi lặng yên, chợt có ý niệm dấy lên, thì một luồng hơi từ rún đưa lên rồi phát ra lời, yếu thì đủ mình nghe gọi là tư tưởng, mạnh thì nói cho mọi người cùng nghe gọi là ngôn ngữ. Vì vậy nên đức Phật mới nói khí tích tụ ở trong, giống như tướng năng duyên và hình bóng mà mình thấy ở ngoài rơi vào tâm thức, hai cái đó duyên với nhau giả gọi là tâm. Chúng ta đã chấp cái giả làm thân làm tâm rồi, làm sao biết được cái thật là tánh Viên giác. Cho nên suốt kiếp đi trong luân hồi.

Nếu thân tứ đại phân tán tức là thân tứ đại chết, sáu căn hoại và hình ảnh (sáu trần) bên ngoài không có, thì lúc đó chúng ta cũng không tìm ra cái tâm hay duyên. Như vậy cái tâm hay duyên là cái hư giả do sáu căn và sáu trần hợp lại mà có. Rõ ràng thân tâm (vọng tâm) đều không thật.

Phật bảo chúng ta phải chánh tư duy, quán sát kỹ điều này cho thấy rõ lẽ thật, đó là chỗ tu hành.

---o0o---

4. ÂM

Thiện nam tử, bị chi chúng sanh huyền thân diệt cố, huyền tâm diệt diệt. Huyền tâm diệt cố, huyền trần diệt diệt. Huyền trần diệt cố, huyền diệt diệt diệt. Huyền diệt diệt cố phi huyền bất diệt. Thí như ma kính, cầu tận minh hiện. Thiện nam tử, đương tri thân tâm giai vi huyền cầu, cầu tướng vĩnh diệt thập phương thanh tịnh.

DỊCH

Này thiện nam, huyền thân của các chúng sanh kia diệt, nên huyền tâm cũng diệt, vì huyền tâm diệt nên huyền trần cũng diệt, vì huyền trần diệt nên cái huyền diệt cũng diệt, cái huyền diệt diệt nhưng cái phi huyền (tánh Viên giác) không diệt. Thí như lau gương, bụi như hết thì ánh sáng hiện. Này thiện nam, nên biết thân tâm đều là huyền hóa như bản, tướng như bản đó hằng diệt thì (tánh Viên giác) thanh tịnh khắp mười phương.

GIẢNG

Đoạn này Phật chỉ thật là tường tận. Thân chúng ta do tứ đại giả hợp tạm có, biết nó như huyền thì vọng tưởng duyên theo cái như huyền đó cũng không thật. Như vậy huyền thân và huyền tâm đều diệt. Huyền tâm diệt nên huyền trần cũng theo đó mà diệt, trong kinh thường nói “Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt”. Vì huyền trần diệt nên cái huyền diệt cũng diệt, cái nghĩ diệt thân tâm trần cảnh, cái nghĩ diệt đó cũng diệt. Những cái huyền đã diệt hết rồi lúc đó mới là phi huyền, lúc đó tâm bình đẳng như như gọi là bất sanh bất diệt. Cho nên nói phi huyền chẳng diệt. Như vậy quý vị thấy rõ ý nghĩa tu hành của chúng ta, y cứ theo lời Phật dạy không chạy theo các huyền là lìa huyền, các huyền đã lìa thì tâm lìa huyền cũng phải bỏ luôn mới là thanh tịnh.

Đức Phật đưa ra ví dụ lau gương cho chúng ta dễ hiểu. Mặt gương dụ cho tánh giác, khăn lau dụ cho niệm diệt huyễn, bụi dụ cho vô minh chấp thân tâm thật. Khi mặt gương bị bụi đóng chúng ta dùng khăn lau lau sạch bụi, nhưng chúng ta lại để cái khăn lau trên mặt gương thì mặt gương không sáng trọn vẹn. Khi lau hết bụi, cái khăn lau cũng phải dẹp luôn, lúc đó không còn bụi không còn khăn lau thì mặt gương mới sáng hoàn toàn. Cũng thế, khi thân huyễn tâm huyễn diệt rồi, ý niệm diệt huyễn cũng diệt luôn thì cái phi huyễn (tánh giác) mới hiển hiện. Phật ví dụ thêm:

---o0o---

5. ÂM

Thiện nam tử, thí như thanh tịnh ma-ni bửu châu ánh ư ngũ sắc tùy phương các hiện, chư ngu si giả kiến bỉ ma-ni thật hữu ngũ sắc. Thiện nam tử, Viên giác tịnh tánh, hiện ư thân tâm tùy loại các ứng, bỉ ngu si giả thuyết tịnh Viên giác thật hữu như thị, thân tâm tự tướng diệc phục như thị. Do thử bất năng viễn ư huyễn hóa. Thị cố ngã thuyết thân tâm huyễn cấu, đối ly huyễn cấu thuyết danh Bồ-tát. Cấu tận đối trừ tức vô đối cấu cập thuyết danh giả.

DỊCH

Này thiện nam, ví như hạt châu ma-ni trong trẻo, tùy theo mỗi phương chiếu hiện ra năm màu. Những người ngu thấy hạt châu ma-ni có năm sắc thật. Này thiện nam, tánh Viên giác thanh tịnh tùy theo thân tâm mỗi chủng loại mà ứng hiện. Kẻ ngu nói tánh Viên giác thanh tịnh thật có như vậy, tự tướng thân tâm cũng lại như thế. Vì thế mà không xa lìa các thứ huyễn hóa, cho nên ta nói thân tâm là huyễn cấu (chúng sanh). Ngược lại lìa huyễn cấu gọi là Bồ-tát. Khi huyễn cấu hết thì pháp đối trị huyễn cấu cũng trừ, thì không còn pháp đối trị huyễn cấu và cái tên gọi huyễn cấu.

GIẢNG

Ví dụ như có một hạt châu trong trẻo ở ngoài có năm mặt, mỗi mặt chúng ta để một tấm giấy màu khác nhau. Tùy theo người đứng ở phía tấm giấy có màu gì thì thấy hạt châu màu đó. Như người đứng ở phía tấm giấy màu đỏ thì thấy hạt châu màu đỏ, rồi họ cho rằng hạt châu màu đỏ thật. Những người đứng ở các phía kia cũng vậy. Nhưng sự thật thì hạt châu không có màu gì hết, nó chỉ là trong trẻo, tùy ở bên ngoài có màu gì thì nó chiếu ra màu ấy thôi.

Hạt châu ma-ni dụ cho tánh Viên giác. Thân tâm chúng ta dụ như cái bóng xanh, vàng, trắng, đỏ trong hạt châu đó thôi. Đó là chỗ lâu nay chúng ta kẹt. Nghe Phật nói thân huyễn, tâm huyễn chúng ta cũng nói theo thân huyễn tâm huyễn. Nhưng đối với cái gì mà nói nó là huyễn chứ? Phật nói huyễn là có lý do. Vì Ngài thấy tánh Viên giác chân thật, cho nên thân tâm là huyễn. Cũng như nhìn trên hạt châu, những cái bóng hiện xanh, vàng, đỏ... thì bóng đó là huyễn, hạt châu không phải huyễn. Bây giờ chỉ có người không thấy hạt châu mà chỉ thấy bóng thôi, thì sao? Cái bóng đó là huyễn hay không huyễn? Bởi vậy chúng ta nói huyễn mà không huyễn gì hết, tại vì chỉ thấy bóng mà không thấy hạt châu. Các Ngài vì thấy rõ nên nói không nghi ngờ còn chúng ta chỉ nói lý nên nghi ngờ.

Cũng vậy, tánh Viên giác tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ở các cõi trời cõi người, rồi chúng ta tưởng tánh Viên giác là trời là người, đó là mê. Thế nên, chúng sanh đi trong lục đạo mà tánh Viên giác không thay đổi, như cái bóng ở ngoài hạt châu, bóng đó không thật mà người mê tưởng là thật. Cái thật là cái trong trẻo của hạt châu. Cũng vậy, vì chúng ta si mê nên cho tánh Viên giác là thân tâm của các loài chúng sanh. Thân tâm của các loài chúng sanh là cái bóng của tánh giác, thế nên nói nghiệp là cái bóng không thật. Nghiệp hết, vô minh hết, nhưng tánh giác không mất. Phật nói người không thể xa lìa thân tâm như huyễn chỉ một bề chấp chặt cho nó là ta thì tạm gọi kẻ đó là chúng sanh, còn người nào biết dẹp cái như huyễn của thân tâm thì tạm gọi là Bồ-tát. Người biết dẹp như tức là người biết lau bụi trên mặt gương, gọi đó là người sáng, biết làm cho gương sáng. Người biết thấp sáng trí tuệ nơi mình là người giác hay là Bồ-tát. Khi cái như hết thì pháp đối trị như cầu cũng trừ, bây giờ không còn pháp đối trị như cầu và cái tên gọi như cầu nữa. Bụi hết thì cái đối trị bụi là khăn lau cũng phải dẹp, cuối cùng là không còn bụi không còn khăn lau, chỉ là mặt gương trong sáng. Khi chúng ta tu buông dần kiến chấp hư vọng về thân tâm thì gọi là tu hạnh Bồ-tát. Khi buông hết những kiến chấp hư vọng về thân tâm rồi, niệm buông cũng phải dẹp luôn, thì tánh giác chân thật hiện bày.

---o0o---

6. ÂM

Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh chứng đắc chư huyễn, diệt ảnh tượng cố. Nhĩ thời tiện đắc vô phương thanh tịnh vô biên hư không.

DỊCH

Này thiện nam, Bồ-tát này và chúng sanh đời sau chúng được các huyễn, diệt các ảnh tượng. Khi ấy liền được thanh tịnh vô biên khắp hư không.

GIẢNG

Đức Phật dạy cho chúng ta thấy rõ sau khi buông được tất cả bóng dáng hư giả của thân tâm, thì tánh Viên giác thanh tịnh hiển hiện khắp cả mười phương, lúc bấy giờ tạm gọi là thành Phật.

---000---

7. ÂM

Giác sở hiển phát, giác viên minh cố hiển tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh cố kiến trần thanh tịnh, kiến thanh tịnh cố nhãn căn thanh tịnh, thức thanh tịnh cố, văn trần thanh tịnh, văn thanh tịnh cố nhĩ căn thanh tịnh, căn thanh tịnh cố nhĩ thức thanh tịnh, thức thanh tịnh cố giác trần thanh tịnh. Như thị nãi chí tỹ thiệt thân ý diệc phục như thị.

DỊCH

Vì tánh Viên giác sáng suốt đã hiện ra nên tâm thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên kiến trần thanh tịnh, do kiến thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhãn thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên văn trần thanh tịnh, do văn thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến tỹ, thiệt, thân, ý cũng lại như vậy.

GIẢNG

Đức Phật tuần tự chỉ cho chúng ta thấy, khi tâm thể thanh tịnh thì sáu căn sáu trần sáu thức đều được thanh tịnh. Chúng ta nghiệm kỹ thì sẽ thấy được ý nghĩa của đoạn này. Nếu nơi tâm chúng ta không có một vọng niệm nào dấy khởi, chỉ một tâm bình đẳng như như, thì nhìn cảnh nào chúng ta cũng thấy thanh tịnh. Còn nếu tâm chúng ta dấy đầy tham sân si, khi nhìn cảnh thì chúng ta khởi niệm tham sân si, do khởi niệm tham sân si cho nên cảnh đó trở thành cảnh Ta-bà khổ phiền não dấy đầy. Bởi phiền não nên sáu căn cũng nhiễm ô, do sáu căn nhiễm ô nên sáu thức cũng trở thành ô nhiễm. Để thấy rõ hễ căn thanh tịnh thì trần thức cũng thanh tịnh.

---o0o---

8. ÂM

Thiền nam tử, căn thanh tịnh cố sắc trần thanh tịnh, sắc trần thanh tịnh cố thính trần thanh tịnh, hương, vị, xúc, pháp diệc phục như thị. Thiền nam tử, lục trần thanh tịnh cố địa đại thanh tịnh, địa thanh tịnh cố thủy đại thanh tịnh, hỏa đại phong đại diệc phục như thị. Thiền nam tử, tứ đại thanh tịnh cố thập nhị xứ, thập bát giới, nhị thập ngũ hữu thanh tịnh.

DỊCH

Này thiền nam, do căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên thính trần thanh tịnh; hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy. Này thiền nam, do lục trần thanh tịnh nên địa đại thanh tịnh, địa đại thanh tịnh thì thủy đại thanh tịnh, hỏa đại phong đại cũng vậy. Này thiền nam, do tứ đại thanh tịnh nên mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi thanh tịnh.

GIẢNG

Khi tâm chúng ta thanh tịnh rồi thì căn trần thức thanh tịnh, nên tứ đại của thân này cũng trở thành thanh tịnh. Cho đến mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi đều thanh tịnh. Khi chúng ta tu, tâm thanh tịnh rồi thì ở chợ cũng được, ở rừng cũng được, ở đâu chúng ta cũng thấy thanh tịnh hết. Tâm thanh tịnh là chủ yếu để các pháp được thanh tịnh, nếu người tâm không thanh tịnh thì ở đâu cũng thấy bất an. Kinh Duy-Ma-Cật có câu: “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật được thanh tịnh. Vậy chủ yếu của sự tu hành là phải lo tịnh tâm. Tôi hay ví dụ như có một cái hồ chứa nước trong, chúng ta làm những vòi nước, khi mở ra hứng toàn nước trong. Ngược lại nếu hồ chứa nước đục, mở vòi nào cũng ra nước đục. Như vậy cốt là bên trong chứa nước đục hay trong, còn những vòi mở ra thì ở trong có cái gì nó ra cái nấy. Cho nên tâm thanh tịnh thì sáu căn theo đó thanh tịnh là vậy. Tâm còn ô uế muốn sáu căn thanh tịnh sao được.

---o0o---

9. ÂM

Bỉ thanh tịnh cố thập lục, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, Phật thập bát bất cộng pháp tam thập thất trợ đạo phẩm thanh tịnh, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn nhất thiết thanh tịnh.

DỊCH

Vì các pháp (thế gian) kia thanh tịnh cho nên (các pháp xuất thế gian như) thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp của Phật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều thanh tịnh, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn đà-la-ni môn đều thanh tịnh.

GIẢNG

Trước Phật đã nói thế gian, bây giờ nói pháp xuất thế gian, nếu pháp thế gian thanh tịnh thì pháp xuất thế gian cũng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì pháp thế gian không thanh tịnh, pháp thế gian không thanh tịnh thì nói pháp của Phật cũng không thanh tịnh. Tôi nói để Phật tử và tăng ni rõ, giả sử như lòng tôi ô nhiễm nếu tôi hiểu Phật pháp và tôi đem Phật pháp ra giảng dạy cho quý vị thì Phật pháp cũng trở thành ô nhiễm. Ví dụ như tôi tham tài, nói pháp một hồi tôi cũng đề cập tiền tài trong đó. Bởi vì lòng tôi có chứa tham lam thì nói một hồi nó cũng lộ ra. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh dù nói pháp thế gian hay nói Phật pháp cũng đều thanh tịnh.

---oo---

10. ÂM

Thiện nam tử, nhất thiết thật tướng thanh tịnh cố nhất thân thanh tịnh, nhất thân thanh tịnh cố đa thân thanh tịnh, đa thân thanh tịnh cố như thị nãi chí thập phương chúng sanh Viên giác thanh tịnh. Thiện nam tử, nhất thế giới thanh tịnh cố đa thế giới thanh tịnh, đa thế giới thanh tịnh cố như thị nãi chí tận hư không viên khoáng tam thế, nhất thiết bình đẳng thanh tịnh bất động. Thiện nam tử, hư không như thị bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, tứ đại bất động cố, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động.

DỊCH

Này thiện nam, tất cả thật tướng tánh thanh tịnh cho nên một thân thanh tịnh, do một thân thanh tịnh cho nên nhiều thân thanh tịnh, do nhiều thân thanh tịnh như thế cho đến mười phương chúng sanh Viên giác thanh tịnh. Này thiện nam, vì một thế giới thanh tịnh cho nên nhiều thế giới thanh tịnh, vì nhiều thế giới thanh tịnh, như thế cho đến cùng tận hư không trùm khắp ba đời tất cả đều thanh tịnh bình đẳng bất động. Này thiện nam, hư không bình

đẳng bất động, như thế, nên biết tánh giác bình đẳng bất động, vì bốn đại bình đẳng bất động, nên biết tánh Viên giác bình đẳng bất động, như thế cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn đà-la-ni đều bình đẳng bất động nên biết tánh Viên giác bình đẳng bất động.

GIẢNG

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy từ một người thanh tịnh lần đến nhiều người được thanh tịnh, từ nhiều người thanh tịnh cho nên mười phương thế giới chúng sanh đều thanh tịnh v.v... Thanh tịnh từ phạm vi nhỏ dần dần lan ra phạm vi lớn. Chủ yếu của đạo Phật là tu từ tự tâm của cá nhân. Tự tâm cá nhân thanh tịnh rồi sẽ lan dần ra người ngoài. Nhiều người hiểu lầm trước lo cho tất cả mọi người được tốt, đi giáo dục người này người kia dạy họ phải tốt, nhưng mình chưa thật tốt mà muốn cho mọi người chung quanh tốt không thể được. Muốn cho mọi người tốt, trước hết chúng ta phải tốt, rồi gia đình chúng ta tốt, tới làng xã chúng ta tốt, đến cả nước chúng ta cũng tốt thì thế giới mới tốt. Như vậy, chủ yếu muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp là trước hết phải xây dựng cá nhân. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy người tu phải phân quan tự kỷ, phải nhìn lại mình. Nếu tâm mình chưa thanh tịnh mà cứ thấy người này sai người kia dở, lo xây dựng, chỉ chuốc thêm phiền não chứ không ích gì. Tâm mình chưa thanh tịnh nên nói họ không nghe. Muốn cho người tốt mà người cứ chứng nào tật nấy thì mình giận mình phiền não. Ngoại trừ khi chúng ta có bốn phận nhắc nhở người khác thì phải luôn kiểm lại tâm mình coi còn những điều dở nào? Và khi nhắc nên nói như thế này: Tôi có bốn phận phải nhắc nhở huynh đệ tiến tu chứ tôi còn những điều dở như vậy v.v...

Muốn xây dựng người thì trước phải nhìn lại mình, mới nghe qua như là ích kỷ nhưng đó là căn bản. Nếu cứ lo bên ngoài mà không nhìn lại mình đó là điều tai hại rất lớn cho người tu.

Có người nói, một người thanh tịnh thì tất cả mọi người đều thanh tịnh, vậy chỉ cần một người tu mọi người khác khỏi tu. Phải vậy không? Khi tâm mình được vô phân biệt, tức thanh tịnh, thì mọi người mình thấy đều thanh tịnh. Cũng như Phật nói Phật thấy chúng sanh đều thành Phật, mà không thành là tại chúng ta quên ông Phật của chúng ta nên không thành. Đó là cái thấy của người đã được đạo. Nếu chúng ta không khéo nhận thì khi nghe kinh nói một người thanh tịnh khắp pháp giới chúng sanh đều thanh tịnh thì chúng ta khỏi cần lo tu làm chi, chờ người khác tu thành Phật rồi mình thanh tịnh theo. Thật là lầm lẫn.

---o0o---

11. ÂM

Thiện nam tử, giác tánh biến mãn thanh tịnh bất động, viên vô tế cố, đương tri lục căn biến mãn pháp giới, căn biến mãn cố đương tri lục trần biến mãn pháp giới, trần biến mãn cố đương tri tứ đại biến mãn pháp giới như thị nãi chí đà-la-ni môn biến mãn pháp giới.

DỊCH

Này thiện nam, tánh Viên giác thanh tịnh bất động viên mãn khắp cả không ngăn mé, nên biết sáu căn cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu căn đầy khắp pháp giới nên biết sáu trần cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu trần đầy khắp pháp giới nên biết bốn đại cũng đầy khắp pháp giới, như vậy cho đến pháp môn đà-la-ni cũng đầy khắp pháp giới.

GIẢNG

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ ràng, khi chúng ta nhận được tánh Viên giác thênh thang trùm khắp pháp giới ở nơi mình thì căn trần cũng đều trùm khắp pháp giới. Tại sao? Sở dĩ chúng ta thấy thân chúng ta hạn cuộc bề cao một thước năm hay một thước sáu, trọng lượng khoảng bốn mươi lăm hay năm mươi ký là vì tâm chúng ta còn phân biệt vướng mắc ngoài trần. Khi chúng ta nhận được tánh Viên giác trùm cả pháp giới nơi mình và chúng ta sống được trọn vẹn với tánh Viên giác ấy thì thân tâm phải tương ứng với nhau. Vì tâm còn hạn cuộc nên thấy thân cũng hạn cuộc, tâm thênh thang thì thấy thân cũng thênh thang, gốc do tâm. Trước đức Phật đã nói tâm thanh tịnh thì tất cả đều thanh tịnh. Bây giờ Phật cũng nói tâm trùm khắp pháp giới thì thân cũng trùm khắp pháp giới.

---o0o---

12. ÂM

Thiện nam tử, do bị Diệu giác tánh biến mãn cố căn tánh trần tánh vô hoại vô tạp. Căn trần vô hoại cố như thị nãi chí đà-la-ni môn vô hoại vô tạp như bá thiên đăng quang chiếu nhất thât, kỳ quang biến mãn vô hoại vô tạp.

DỊCH

Này thiện nam, do tánh Diệu giác kia đầy khắp pháp giới nên thể tánh của căn trần không hoại không tạp. Vì căn trần không hoại, như thế cho đến pháp môn đà-la-ni cũng không hoại không tạp. Như trăm ngàn ngọn đèn cùng chiếu sáng trong một căn nhà, tuy ánh sáng mỗi ngọn đèn đầy khắp nhà mà không tạp lộn hay hoại diệt lẫn nhau.

GIẢNG

Chỗ này là chỗ mà đa số người nghi, một người tu thành Phật, tánh Viên giác trùm khắp pháp giới, người khác tu thành Phật tánh Viên giác cũng trùm khắp pháp giới, vậy chỗ đâu mà chứa?

Phật dùng ví dụ, trong một cái nhà tối, chúng ta đốt một ngọn đèn, ánh sáng của ngọn đèn ấy sáng khắp nhà này; bây giờ đốt thêm một ngọn đèn nữa thì ánh sáng của ngọn đèn thứ hai không bị giới hạn. Rồi đốt thêm ngọn đèn thứ ba nữa thì căn nhà càng sáng thêm, đốt nhiều ngọn đèn chùng nào thì căn nhà càng sáng chùng nấy, chứ ánh sáng của những ngọn đèn thấp sau không có lẫn lộn hay lẫn diệt ngọn đèn thứ nhất. Không thể nói ánh sáng của ngọn đèn thứ nhất sáng khắp nhà rồi, ánh sáng ngọn đèn thứ hai thấp lên hết chỗ chứa, mà trái lại càng nhiều ngọn đèn thì gian nhà càng sáng chứ không có ranh giới tạp nhạp và lẫn diệt lẫn nhau.

Cũng thế, một chúng sanh thanh tịnh cả thể giới cũng thanh tịnh, nhưng chưa được thanh tịnh lắm, nếu tất cả chúng sanh đều thanh tịnh thì cả thể giới này hoàn toàn thanh tịnh. Mỗi ngọn đèn tuy có ánh sáng riêng, nhưng khi để chung thì không có ranh giới, mà ánh sáng của ngọn đèn nào là của ngọn đèn ấy. Lấy ngọn đèn này ra chỗ khác thì ánh sáng ấy cũng tới chỗ khác và khi một trăm ngọn đèn để chung trong một cái nhà thì ánh sáng như một nên nói là đồng.

Cũng vậy, tâm Chân Như của tất cả chúng sanh đều đồng một thể, vì không có ranh giới nên nói chư Phật đạo đồng, chỗ chúng thì như nhau mà mỗi Phật đều riêng nên nói hằng hà sa số chư Phật.

---o0o---

13. ÂM

Thiện nam tử, giác thành tựu cố, đương tri Bồ-tát bất dữ pháp phục, bất cầu pháp thoát, bất yếm sanh tử bất ái Niết-bàn, bất kính trì giới bất tăng hủy cấm, bất trọng cứu tập bất khinh sơ học. Hà dĩ cố? Nhất thiết giác cố. Thí

như nhãn quang hiểu liễu tiền cảnh. Kỳ quang viên mãn đắc vô tắng ái. Hà dĩ cố? Quang thể vô nhị, vô tắng ái cố.

DỊCH

Này thiện nam, vì Bồ-tát thành tựu tánh Viên giác nên không bị pháp ràng buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, chẳng chán sanh tử, chẳng ưa Niết-bàn, chẳng kính người trì giới, chẳng ghét người phá giới, chẳng trọng người tu lâu, chẳng khinh người mới học. Vì có sao? Vì tất cả (đều là) tánh Viên giác. Ví như mắt sáng thấy rõ cảnh ở trước. Tánh sáng đó đầy khắp tất cả không yêu không ghét. Vì có sao? Vì thể sáng không hai nên không yêu không ghét vậy.

GIẢNG

Phật dạy chỗ này để cho chúng ta thấy thêm một tầng nữa, khi thành tựu tánh Viên giác thì không còn bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không chán sanh tử cũng không ưa Niết-bàn v.v... Nghĩa là không còn kẹt hai bên, tâm luôn luôn bất động nên gọi là hằng thanh tịnh. Ví dụ như con mắt của chúng ta nhìn thấy cành hoa trên bàn, vì con mắt sáng cho nên thấy hình dáng của bình hoa rõ ràng, vàng ra vàng, đỏ ra đỏ... Nhưng tánh thấy của con mắt không có khen chê yêu ghét. Sở dĩ có khen chê yêu ghét là do sau khi nhìn rồi dấy niệm phân biệt đẹp xấu, đó là cái gốc trói buộc của trần cảnh. Nếu chúng ta nhìn mà không có niệm phân biệt thì không yêu ghét, là sống được với tánh Viên giác thanh tịnh bình đẳng. Đó là chủ yếu của sự tu hành. Chúng ta chưa biết tu thì nhìn người nhìn vật với cái nhìn hai bên, hoặc là người đó tốt hoặc là người đó xấu; tốt thì quý trọng xấu thì khinh khi, do đó niệm phiền não dấy khởi. Ở thế gian người nào phân biệt giới, khen chê nhiều thì cho người đó là khôn ngoan lanh lẹ. Nhưng trong đạo người đó là người sống với vọng thức nhiều, sống với vọng thức nhiều thì trầm luân sâu. Như vậy muốn biết mình còn trầm luân hay giải thoát là tự biết chứ không cần hỏi ai.

---o0o---

14. ÂM

Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh tu tập thử tâm đắc thành tựu giả, ư thử vô tu, diệt vô thành tựu Viên giác phổ chiếu tịch diệt vô nhị. Ư trung bá thiên vạn ức a-tăng-kỳ bất khả thuyết hằng hà sa chư Phật thế giới, do như không hoa loạn khởi loạn diệt, bất tức bất ly, vô phục vô thoát,

thủy tri chúng sanh bản lai thành Phật, sanh tử Niết-bàn do như tạc mộng. Thiện nam tử, như tạc mộng cố đương tri sanh tử cập dữ Niết-bàn vô khởi vô diệt, vô lai vô khứ. Kỳ sở chứng giả vô đắc vô thất, vô thủ vô xả. Kỳ năng chứng giả vô tác vô chỉ, vô nhậm vô diệt. Ư thử chứng trung vô năng vô sở, tất cánh vô chứng, diệt vô chứng giả nhất thiết pháp tánh bình đẳng bất hoại.

DỊCH

Này thiện nam, Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tu tập tâm (Viên giác) này được thành tựu, thật ra cũng không tu không thành tựu, vì tánh Viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai. Trong đó trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng không thể đếm, giống như hoa đóm trong hư không loạn khởi loạn diệt, chẳng tức chẳng ly, không trói buộc không giải thoát. Mới biết chúng sanh xưa nay đã thành Phật, sanh tử Niết-bàn in như giấc mộng đêm qua. Này thiện nam, vì như giấc mộng đêm qua nên biết sanh tử và Niết-bàn không sanh không diệt, không đến không đi. Chỗ chứng không được không mất, không thủ không xả. Người năng chứng không tác không chỉ, không nhậm không diệt. Trong cái chứng ấy không năng không sở, rốt ráo không pháp chứng cũng không có người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại.

GIẢNG

Phật dạy các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tuy thấy có tu tập và được tánh Viên giác thanh tịnh. Nhưng kỳ thật thì không tu cũng không thành tựu. Vì sao? Vì còn có thành tựu là còn có “tôi tu” và “cái tôi được”, tức là còn năng còn sở, nếu năng sở còn thì chưa đến chỗ giải thoát hoàn toàn. Vì tánh Viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai, không hai thì đâu có năng sở, đâu có tôi tu và đâu có quả để tôi chứng. Vì vậy trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới của chư Phật, chúng ta xem như hoa đóm trong hư không, loạn khởi loạn diệt không có thật. Thế giới của chư Phật còn không thật, huống nữa là thế giới của phàm phu làm sao mà có thật? Do thấy được như vậy nên không mắc kẹt ở tức và ly, không bị các pháp trói buộc, không mắc kẹt trong pháp giải thoát. Chừng đó mới biết chúng sanh từ thuở nào đến giờ đã thành Phật và sanh tử cùng Niết-bàn giống như giấc mộng đêm qua. Vì sao? Vì sanh tử và Niết-bàn là hai tướng đối đãi giả lập, biết sanh tử là hư dối thì Niết-bàn cũng hư dối luôn, nên không sợ sanh tử, cũng không cầu Niết-bàn. Sở dĩ thấy hai cái này không quan trọng vì đã nhận ra tánh giác của mình, nếu chưa nhận ra thì sanh tử sự đại. Chúng ta phải biết rõ để đừng làm ý kinh.

Phật lại nói tiếp sanh tử cùng Niết-bàn không khởi không diệt, không đến không đi. Sở chứng (quả vị) cũng không được không mất, không thủ không xả. Người năng chứng cũng không tạo tác và đình chỉ, không mặc tình và cũng không tiêu diệt. Trong cái chứng này không năng không sở, rốt ráo không có pháp chứng và người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại. Đó mới là chỗ cứu cánh của người chứng Viên giác.

---o0o---

15. ÂM

Thiện nam tử, bĩ chư Bồ-tát như thị tu hành, như thị tiệm thứ, như thị tư duy, như thị trụ trì, như thị phương tiện, như thị khai ngộ, cầu như thị pháp diệt bất mê muội.

DỊCH

Này thiện nam, các vị Bồ-tát kia phải tu hành như thế, thứ lớp như thế, suy nghĩ như thế, trụ trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế, mới không có mê muội.

GIẢNG

Đây là lời kết thúc của đức Phật, nếu Bồ-tát mới phát tâm, chúng sanh đời sau tu hành như lời Phật dạy trên thì sẽ tới chỗ cứu cánh và không còn mê muội.

---o0o---

16. ÂM

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Nhân nữ đương tri

Nhất thiết chư chúng sanh

Thân tâm giai như huyễn

Thân tướng thuộc tứ đại

Tâm tánh qui lục trần
Tứ đại thể các ly
Thùy vi hòa hợp giả
Nhu thị tiệm tu hành
Nhất thiết tất thanh tịnh
Bất động biến pháp giới
Vô tác chỉ nhậm diệt
Diệc vô năng chứng giả
Nhất thiết Phật thể giới
Do như hư không hoa
Tam thể tất bình đẳng
Tất cánh vô lai khứ
Sơ phát tâm Bồ-tát
Cập mạng thể chúng sanh
Dục cầu nhập Phật đạo
Ứng như thị tu tập.

DỊCH :

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Phổ Nhân ông nên biết
Tất cả các chúng sanh

Thân tâm đều như huyễn
Thân tướng thuộc tứ đại
Tâm tánh thuộc sáu trần
Tứ đại mỗi thứ rời,
Cái gì là hòa hợp?
Thứ lớp tu như thế,
Thầy đều được thanh tịnh.
Khắp pháp giới không động,
Không tác, chỉ, nhậm, diệt,
Cũng không người hay chúng,
Tất cả thế giới Phật,
Ví như hoa trong không,
Ba đời đều bình đẳng,
Cứu cánh không đến đi.
Bồ-tát mới phát tâm
Và chúng sanh đời sau
Muốn cầu vào Phật đạo
Nên tu tập như thế.

GIẢNG

Đức Phật dạy chúng ta phải thấy thân này như huyễn, vì thân này do tứ đại hòa hợp, nên rời tứ đại tìm thân không có. Tâm này chẳng qua là cái duyên

theo bóng dáng sáu trần không thật. Thấy được như vậy thì từ từ tất cả đều thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh mới thấy khắp cả pháp giới đều không động, lúc đó chúng ta mới khỏi các bệnh: bệnh tác là tạo tác, bệnh chỉ là kèm, bệnh nhậm là mặc kệ, bệnh diệt tức là cố lắng vọng tưởng xuống và cũng không thấy có người năng chứng. Khi rõ thân như huyễn rồi thì thấy thế giới của chư Phật cũng như hoa đốm trong hư không, thấy ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều bình đẳng. Chủ yếu của Phật dạy trong chương này là khi thấy rõ thân tâm không thật thì tâm mới bất động. Đối với không gian là mười phương thế giới và thời gian là ba đời đều không thật thì tâm hằng thanh tịnh. Nếu tu được như vậy tức là đi đúng đường của Phật dạy.

Chương trước đức Phật dạy tổng quát, thấy thân thật tâm thật đó là vô minh, bây giờ thấy rõ thân tâm không thật là tập sống với tánh Viên giác, khi sống được hoàn toàn thì gọi là thành tựu tánh Viên giác. Chương này Bồ-tát Phổ Nhân xin đức Phật dạy nên dùng phương tiện gì để tiến tu. Phật dạy ngồi yên một chỗ hoặc ngồi trong thất hoặc ở trong rừng lâm, quán lại thân này. Cái nào cứng thuộc về đất, cái nào ướt thuộc về nước, cái nào động thuộc về gió, cái nào nóng thuộc về lửa, phân loại rồi quán tưởng từng nhóm, quán như vậy hỏi cái gì là thân. Đến tâm cũng vậy, do ý căn duyên theo bóng dáng sáu trần, hoặc là nghe tiếng hoặc là thấy sắc... Bóng của tiếng của sắc lưu lại, ý căn duyên theo cái bóng lưu lại đó mà suy nghĩ gọi là tâm. Vậy tâm duyên cảnh là cái hư giả không thật, thấy thân tâm đều giả dối là chúng ta phá được vô minh. Hết vô minh mới sống trọn vẹn với tánh Viên giác thanh tịnh, do đó căn trần thức đều thanh tịnh, mười phương thế giới đều thanh tịnh... Tu thứ lớp là như vậy, đừng thấy cảnh huyễn, mà trước hết phải thấy thân tâm này huyễn vì hết làm thân tâm thì hết làm cảnh giới. Đức Phật ví dụ rất chính xác, nếu trong bốn phương mà chúng ta làm một phương thì ba phương kia đều làm theo. Cũng vậy, ngay thân tâm này mà làm thì tất cả đều làm, cho nên muốn phá cái làm chung đó trước phải phá cái làm thân tâm.

Hầu hết chúng ta bây giờ không chịu quán thân tâm mà chỉ lo quán người khác. Cả ngày chỉ thấy anh này sai chị kia dở, do đó mà quên cái sai của mình, mới nhìn thấy như Bồ-tát con nhưng mất mình lúc nào không biết. Cho nên Phật Tổ đều dạy khi tu chưa xong thì phải quán mình cho thật kỹ mới khỏi làm, khỏi làm thì phá được vô minh, lần lần tâm được thanh tịnh. Đó là gốc của sự tu hành.

---o0o---
Hết